

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Ngân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA VÀ NGƯỜI BÁN NHẪM QUẢN LÝ TỐT CÔNG
NỢ TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Ngân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Ngân Mã SV: 1513401035

Lớp: QTL901K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán nhằm quản lý tốt công nợ tại Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán trong doanh nghiệp....	3
1.1.1. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt.....	3
1.1.2. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.....	3
1.1.2.1. Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu(chi).....	3
1.1.2.2. Phương thức chuyển tiền.....	4
1.1.2.3. Phương thức thanh toán nhờ thu	4
1.1.2.4. Phương thức tín dụng chứng từ.....	5
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua	6
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.....	6
1.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	7
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	9
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp).....	13
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	13
1.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	13
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	15
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ..	20
1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán.....	20
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ	23
1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.....	25
1.5.1. Hình thức Nhật kí sổ cái	25
1.5.2. Hình thức Nhật kí chung	26
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	27
1.5.4. Hình thức trên máy vi tính.....	28
1.6. Phân tích một số chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp....	29
CHƯƠNG 2 :THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC.....	33

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán các khoản thanh toán tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	33
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC	36
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:	36
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC	37
2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua (khách hàng) tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	39
2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	39
2.2.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người mua	39
2.2.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với khách hàng.....	53
Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	58
2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp) tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	59
2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	59
2.3.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với người bán.....	75
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN NHẪM QUẢN LÝ TỐT CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC.....	85
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	85
3.1.1. Ưu điểm	85
3.1.2. Hạn chế	86
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán.....	87
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán.....	87
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....	88

3.4.1. Kiến nghị 1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	88
Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn:.....	88
3.4.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện chính sách về chiết khấu thanh toán.....	91
Sơ đồ 3.2 : Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán.....	91
3.4.3. Kiến nghị 3: Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.....	92
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC	94
3.5.1. Về phía nhà nước:	94
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	95
KẾT LUẬN.....	96

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT</i>	40
<i>Biểu số 2.2: Sổ chi tiết phải thu</i>	41
<i>Biểu số 2.3.Hóa đơn GTGT</i>	43
<i>Biểu số 2.4: Sổ chi tiết phải thu</i>	44
<i>Biểu số 2.5.Hóa đơn GTGT</i>	46
<i>Biểu số 2.6: Sổ chi tiết phải thu</i>	48
<i>Biểu số 2.7.Giây báo có</i>	49
<i>Biểu số 2.8.Giấy báo có</i>	50
<i>Biểu số 2.9. Phiếu thu</i>	51
<i>Biểu số 2.10.Giây báo có</i>	52
<i>Biểu số 2.11: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2015</i>	54
<i>Biểu số 2.12: Sổ cái tài khoản 131</i>	56
<i>Biểu số 2.13.Sổ tổng hợp phải thu khách hàng</i>	58
<i>Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT</i>	60
<i>Biểu số 2.15.Sổ chi tiết phải trả</i>	61
<i>Biểu số 2.16.Hóa đơn GTGT</i>	63
<i>Biểu số 2.17.Sổ chi tiết phải trả</i>	64
<i>Biểu số 2.18: Hóa đơn GTGT</i>	66
<i>Biểu số 2.19.Sổ chi tiết phải trả</i>	67
<i>Biểu số 2.20.UNC</i>	69
<i>Biểu số 2.21.UNC</i>	71
<i>Biểu số 2.22:Phiếu chi</i>	72
<i>Biểu số 2.23.UNC</i>	74
<i>Biểu số 2.24.Sổ nhật ký chung</i>	76
<i>Biểu số 2.25: Sổ cái tài khoản 331</i>	77
<i>Biểu số 2.26.Sổ tổng hợp phải trả người bán</i>	79
<i>Biểu số 2.27. Bảng cân đối tài khoản</i>	80
<i>Biểu số 2.28.Bảng cân đối kế toán</i>	81

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua</i>	<i>9</i>
<i>Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán phải trả người bán</i>	<i>15</i>
<i>Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người mua phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)</i>	<i>23</i>
<i>Sơ đồ 1.4: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người bán phát sinh trong giai đoạn SXKD (trong năm tài chính)</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1.5: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản thanh toán cuối năm tài chính của hoạt động SXKD.....</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật Ký Sổ Cái.....</i>	<i>26</i>
<i>Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật Ký Chung</i>	<i>27</i>
<i>Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng Từ Ghi Sổ</i>	<i>28</i>
<i>Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Kế toán máy</i>	<i>29</i>
<i>Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC</i>	<i>35</i>
<i>Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC.....</i>	<i>36</i>
<i>Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.....</i>	<i>38</i>
<i>Sơ đồ 3.1.Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 1592”Dự phòng phải thu khó đòi”.</i>	<i>93</i>
<i>Sơ đồ 3.2 : Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán.....</i>	<i>91</i>

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta ngày càng phát triển và hội nhập hơn với thế giới. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sẽ có cơ hội hội nhập với nền kinh tế thế giới nhưng những ảnh hưởng mà nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới sự phát triển của các doanh nghiệp đó là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trở lên khắc nghiệt hơn, các quy chế quản lý trở nên chặt chẽ hơn...

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, lợi nhuận luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp theo đuổi. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi các nhà quản lý phải có những biện pháp thiết thực trong chiến lược kinh doanh của mình. Trong quá trình kinh doanh của mình, tùy vào loại hình kinh doanh mà doanh nghiệp có những khâu khác nhau. Tuy nhiên, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng tồn tại hai quá trình là mua và bán. Khi phát sinh quan hệ mua và bán sẽ phát sinh những khoản phải thu khách hàng và phải trả nhà cung cấp. Khi bán hàng, doanh nghiệp phải chú trọng đến việc thu hồi nợ để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình nhưng đồng thời phải có những chính sách hợp lý để tạo mối quan hệ bạn hàng, đồng thời công ty phải thực hiện công tác thanh toán với nhà cung cấp để tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.

Trong quá trình tìm hiểu về công tác kế toán của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC em nhận thấy kế toán thanh toán với người mua người bán đóng vai trò hết sức quan trọng và được ban lãnh đạo quan tâm nhiều. Do vậy em đã quyết định thực hiện đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC** ” cho bài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Hệ thống hóa lí luận chung về kế toán thanh toán với người mua người bán trong doanh nghiệp.

Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

Phạm vi nghiên cứu : Tại Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp kế toán.

Phương pháp thống kê và so sánh.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ tại Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán trong doanh nghiệp

Phương thức thanh toán là yếu tố rất quan trọng trong hoạt động thương mại, thông thường khi có giao dịch phát sinh thì hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Các phương thức thanh toán mà doanh nghiệp thường sử dụng có thể chia thành thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Xu hướng của các doanh nghiệp là tiến tới thanh toán không dùng tiền mặt, hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong lưu thông như vậy sẽ an toàn, tiết kiệm chi phí và doanh nghiệp có thể quản lý việc thanh toán dễ dàng hơn.

1.1.1. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu áp dụng cho các giao dịch phát sinh số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng.
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hồi phiếu ngân hàng.
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, hoặc giấy tờ có giá trị như tiền.

1.1.2. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt

Phương thức thanh toán này được các doanh nghiệp sử dụng rộng rãi trong hoạt động kinh doanh thương mại. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt rất đa dạng tùy theo tính chất của hoạt động thanh toán mà các doanh nghiệp sẽ lựa chọn những phương thức thanh toán phù hợp nhất. Có thể kể ra đây một số loại phương thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu sau:

1.1.2.1. Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu(chi)

Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi) thường được các doanh nghiệp sử dụng đối với các đối tượng có quan hệ mua bán với doanh nghiệp từ trước và trong cùng một Quốc gia, đây là phương thức thanh toán có thủ tục đơn giản và tiện lợi cho doanh nghiệp. Theo hình thức này thì chủ tài khoản ủy

niệm cho ngân hàng thu (chi) hộ với một đối tượng nào đó do doanh nghiệp chỉ định có tài khoản ở cùng ngân hàng hoặc khác ngân hàng.

Chứng từ thanh toán xuất hiện trong phương thức này gồm có: ủy nhiệm thu (chi), Giấy báo Có (Nợ).

1.1.2.2. Phương thức chuyển tiền

Phương thức chuyển tiền là phương thức thanh toán trong đó người trả tiền yêu cầu ngân hàng của mình chuyển số tiền nhất định cho người hưởng lợi ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách yêu cầu hoặc bằng điện (telegraphic – T/T) hoặc bằng thư (mail transiser – M/T).

Phương thức này đơn giản dễ thực hiện nhưng chỉ nên thực hiện với khách hàng quen biết vì có thể gặp rủi ro người bán không thu được tiền hàng trong trường hợp thanh toán sau và không đảm bảo người mua sẽ nhận được hàng trong trường hợp thanh toán trước.

Bộ chứng từ thanh toán trong phương thức này gồm có: Hợp đồng thương mại, Hóa đơn, Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

1.1.2.3. Phương thức thanh toán nhờ thu

Phương thức nhờ thu là phương thức mà người bán sau khi giao hàng thì kỳ phát hồi phiếu đòi tiền người mua rồi đến ngân hàng nhờ thu hộ số tiền ghi trên hồi phiếu đó. Phương thức nhờ thu có hai loại:

– Phương thức nhờ thu phiếu trọn: người ký phát hồi phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền bán hàng ghi trên hồi phiếu từ người mua mà không gửi kèm theo bất cứ chứng từ nào. Người bán sẽ gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua cùng lúc với việc gửi hàng hóa. Phương thức này chỉ áp dụng trong trường hợp người bán và người mua tin cậy nhau dưới dạng công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các chi nhánh. Do sự không đảm bảo quyền lợi cho người bán nên phương thức này ít được sử dụng trong thanh toán quốc tế.

– Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ: người bán sau khi giao hàng, ký phát hồi phiếu và gửi kèm bộ chứng từ gửi hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền người mua. Với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hoặc ký chấp nhận thanh toán. Phương thức thanh toán này mặc dù đã khắc được nhược điểm của nhờ thu phiếu trong không chế được quyền định đoạt hàng hóa của người mua.

Phương thức thanh toán nhờ thu có nhược điểm là không khống chế được việc người mua có trả tiền hay không. Người mua có thể trậm trễ hoặc không thanh toán bằng việc trì hoãn nhận chứng từ hoặc không nhận hàng nữa, thanh toán theo hình thức này thường chậm chạp do ngân hàng chỉ đóng vai trò thu tiền hộ còn không có trách nhiệm đến việc trả tiền của người mua.

Bộ chứng từ sử dụng trong phương thức thanh toán nhờ thu: Hối phiếu, Hóa đơn, Vận đơn, Bảng kê bao bì chi tiết.

1.1.2.4. Phương thức tín dụng chứng từ

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng (Letter of Credit – L/C) theo yêu cầu của người mở thư tín dụng sẽ trả một số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc chấp nhận hối phiếu do người này ký phát trong phạm vi số tiền trong thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng. Các loại thư tín dụng:

– Thư tín dụng có thể hủy ngang: là thư tín dụng mà ngân hàng và người mua có thể tự ý sửa đổi hoặc hủy bỏ bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước cho người bán.

– Thư tín dụng không thể hủy ngang: là loại thư tín dụng mà ngân hàng khi đã mở thư tín dụng phải chịu trách nhiệm trả tiền cho người bán trong thời hạn hiệu lực của thư tín dụng, không được quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ thư tín dụng đó nếu chưa được sự đồng ý của các bên liên quan.

– Thư tín dụng không thể hủy ngang không thể truy đòi: là loại thư tín dụng không thể hủy bỏ mà sau khi người bán đã được ngân hàng trả tiền rồi nếu về sau có sự tranh chấp về chứng từ thanh toán thì người bán không thể truy hoàn lại số tiền đã nhận.

Phương thức thanh toán bằng thư tín dụng được sử dụng rất rộng rãi và ưu việt hơn cả trong các phương thức thanh toán thương mại quốc tế do đảm bảo được quyền lợi cho cả hai bên bán và mua. Trong phương thức này ngân hàng không chỉ là trung gian thanh toán như các phương thức khác nữa.

Tuy nhiên khi áp dụng phương pháp này người mua và người bán vẫn có thể gặp phải những rủi ro:

Về phía người xuất khẩu, việc thanh toán có thể không thực hiện được do bộ chứng từ họ xuất trình không phù hợp với quy định trong L/C. Khi đó nhà xuất khẩu phải tự chịu chi phí lưu kho bãi, bán đấu giá...cho đến khi vấn đề

được giải quyết hoặc phải chờ hàng về nước. Nhà xuất khẩu cũng có khả năng không được thanh toán nếu ngân hàng phát hành hoặc ngân hàng xác nhận mất khả năng thanh toán.

Về phía nhà nhập khẩu: ngân hàng thanh toán dựa trên sự đầy đủ và hợp lệ của bộ chứng từ do nhà xuất khẩu xuất trình. Nếu nhà xuất khẩu gian lận làm giả chứng từ thì họ vẫn có khả năng được thanh toán mặc dù hàng hóa đã giao cho nhà nhập khẩu không đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại.

Bộ chứng từ thanh toán trong hình thức thanh toán này gồm: Giấy đề nghị mở thư tín dụng, Hóa đơn, Vận đơn, Chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Chứng nhận chất lượng hàng hóa...

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Các khoản phải thu khách hàng là các khoản nợ phải thu của công ty với khách hàng về giá trị hàng hóa đã bán, lao vụ dịch vụ đã cung cấp nhưng chưa thu tiền.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.
- Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.
- Đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch, mua bán thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán cần kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn phải thanh toán, và có xác nhận bằng văn bản.
- Đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ, cần theo dõi cả về nguyên tệ trên các tài khoản chi tiết và quy đổi theo đồng tiền Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Đối với các khoản nợ phải thu bằng vàng, bạc, đá quý, cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kì điều chỉnh số dư theo giá thực tế. Cần phân loại các khoản nợ phải thu theo thời gian thanh toán cũng như theo từng đối tượng có nghi ngờ để có kế hoạch, biện pháp thanh toán và thu hồi vốn phù hợp. Không bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp, giữa các khách hàng mà phải căn cứ trên sổ chi tiết để lấy số liệu lập bảng cân đối kế toán cuối kì

1.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

* Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Chứng từ:
 - + Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
 - + Phiếu thu(nếu thu bằng tiền mặt).
 - + Giấy báo có
 - + Biên bản bù trừ công nợ.
- Sổ kế toán:
 - + Sổ chi tiết tài khoản 131
 - + Sổ cái tài khoản 131
 - + Sổ tổng hợp phải thu khách hàng

* Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán khoản phải thu của khách hàng kế toán sử dụng tài khoản **131”phải thu khách hàng”**. Tài khoản này phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của công ty với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Tài khoản này được theo dõi chi tiết cho từng khách hàng, trong đó khách hàng phân ra khách hàng thanh toán đúng hạn và khách hàng có vấn đề để có căn cứ xác định mức dự phòng và qua đó có biện pháp xử lý kịp thời

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán của các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

*Nội dung tài khoản 131” Phải thu khách hàng”

Tài khoản 131" Phải thu khách hàng

-Số tiền phải thu từ khách hàng mua chịu vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp được xác là đã bán được trong kỳ của doanh nghiệp.

-Số tiền thu thừa của khách hàng đã trả lại.

- Nợ phải thu khách hàng tăng do tỷ giá ngoại tệ tăng.

Số dư nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.

- Số tiền khách hàng đã trả nợ.

- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.

- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.

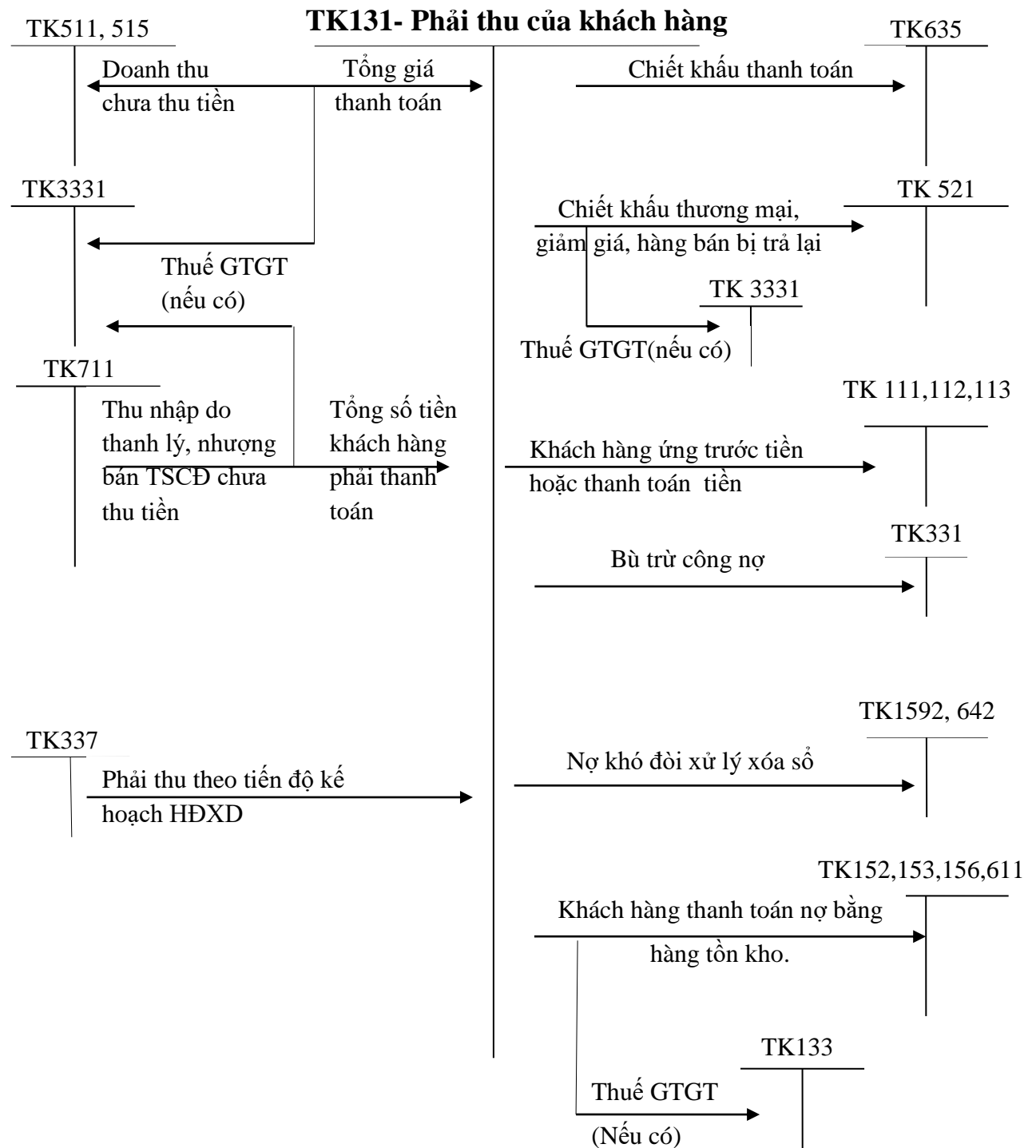
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).

- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư có: Số tiền doanh nghiệp nhận trước của khách hàng.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua

* Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

+ Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

* Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 5212 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

*Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

+ Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

+ Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5213)(giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

* Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

* Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

* Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

+ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

+ Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

+ Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

+ Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

*Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

*Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng tổn thất tài sản (1592) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

* Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp)

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp hoặc người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp bàn giao.
- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ trả tiền ngay.
 - Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì dựa vào giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.
 - Khi hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải hạch toán chi tiết, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hóa đơn mua hàng

1.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

- Chứng từ:
 - + Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng.
 - + Phiếu chi(thanh toán bằng tiền mặt)
 - + Giấy báo nợ(Thanh toán bằng chuyển khoản)
 - + Biên bản đối trừ công nợ.
- Sổ kế toán.
 - + Sổ chi tiết thanh toán với người bán(tài khoản 331)
 - + Sổ cái tài khoản 331
 - + Sổ tổng hợp thanh toán với người bán

*** Tài khoản sử dụng: TK 331 “phải trả người bán”**

- Phản ánh các khoản phải trả phát sinh sau khi mua hàng và phải thu do ứng trước tiền mua hàng với từng nhà cung cấp.

- Tài khoản này không theo dõi các nghiệp vụ mua hàng trả tiền ngay trực tiếp tại thời điểm giao hàng.
- Khi mua hàng đã nhập, đã nhận hàng nhưng cuối kỳ chưa nhận được chứng từ mua hàng thì số nợ tạm ghi theo giá tạm tính của hàng nhận. Khi nhận được chứng từ sẽ điều chỉnh theo giá thực tế thoả thuận.
- Phản ánh các nghiệp vụ chiết khấu, giảm giá phát sinh được người bán chấp thuận làm thay đổi số nợ sẽ thanh toán.

***Kết cấu tài khoản 331" Phải trả người bán".**

Tài khoản 331" Phải trả cho người bán"

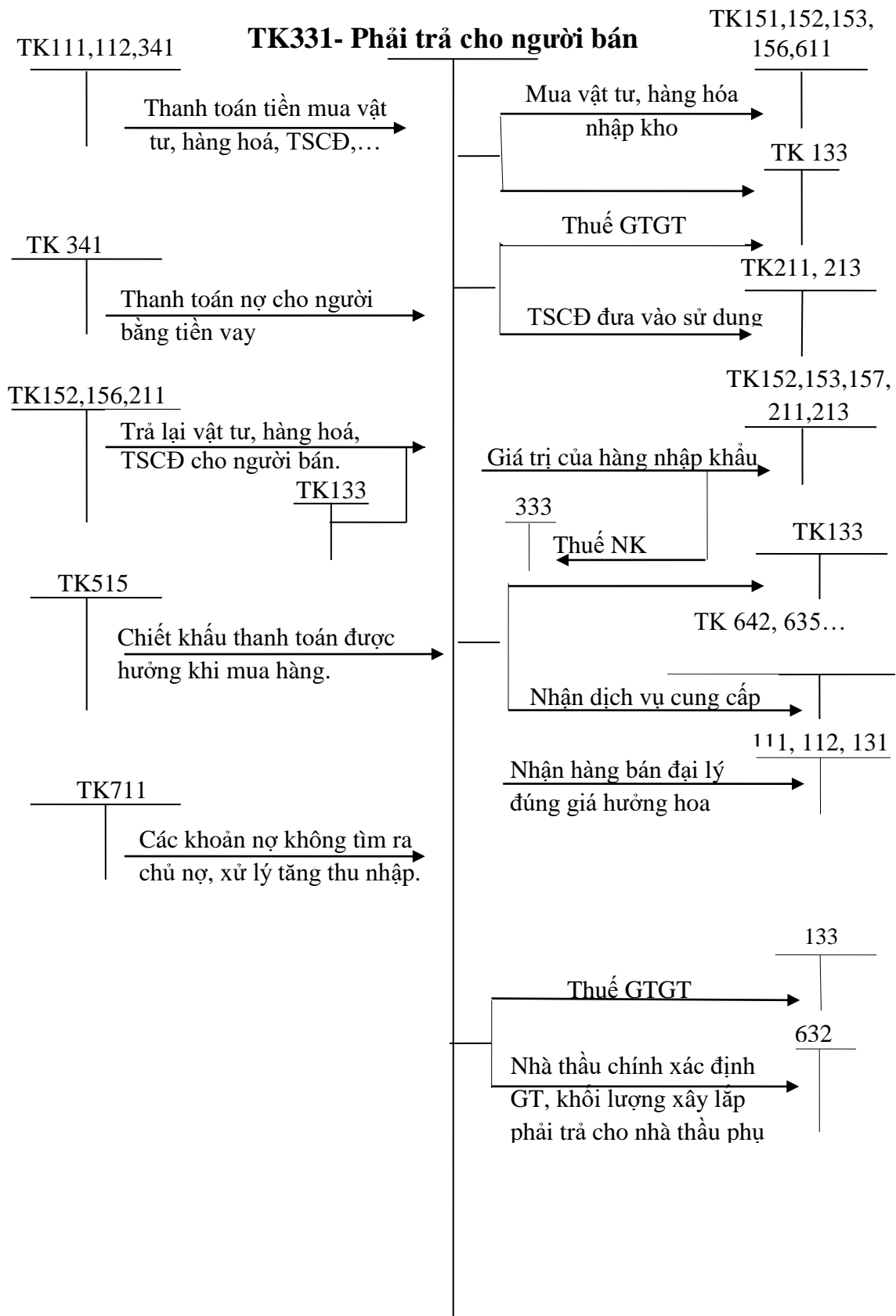
- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Số dư nợ: Số tiền doanh nghiệp ứng trước cho người bán hoặc số tiền trả thừa cho người bán

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Số dư có: Số tiền còn phải trả cho người bán.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán phải trả người bán

* Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

+ Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

+ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

* Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

+ Trường hợp mua trong nội địa:

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

+ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

* Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

* Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

giao dịch

thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

* Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

*Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 642, 635, ...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

*Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

*Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

*Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

* Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

* Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.

Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112,...

* Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán(chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác).

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán

1.4.1.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ;
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

1.4.1.2. Các loại tỷ giá hối đoái (sau đây gọi tắt là tỷ giá) sử dụng trong kế toán Các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán và nộp thuế), doanh nghiệp thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế.

1.4.1.3. Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

a) Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng

hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

b) Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm: Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

1.4.1.4. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán

a) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

- Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

- Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí trả trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận chi phí).

- Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

- Tài khoản loại vốn chủ sở hữu;

- Bên Nợ các TK phải thu; Bên Nợ các TK vốn bằng tiền; Bên Nợ các TK phải trả khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.

- Bên Có các TK phải trả; Bên Có các TK phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua;

b) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

- Bên Có các TK phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ TK phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các TK khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước;

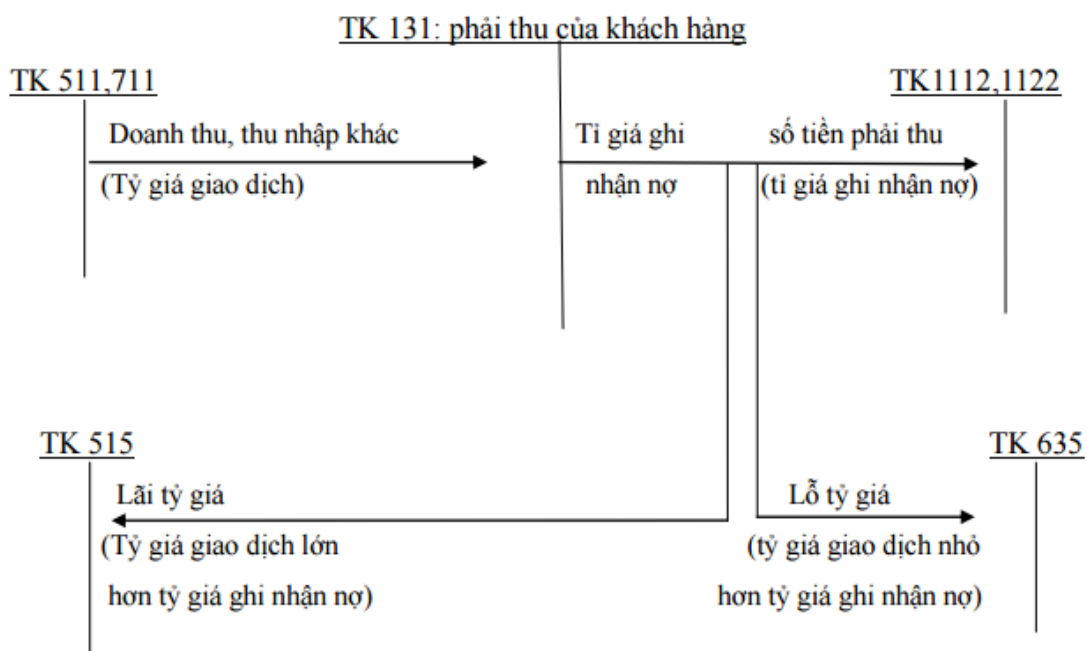
- Bên Nợ các TK phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có TK phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

- Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

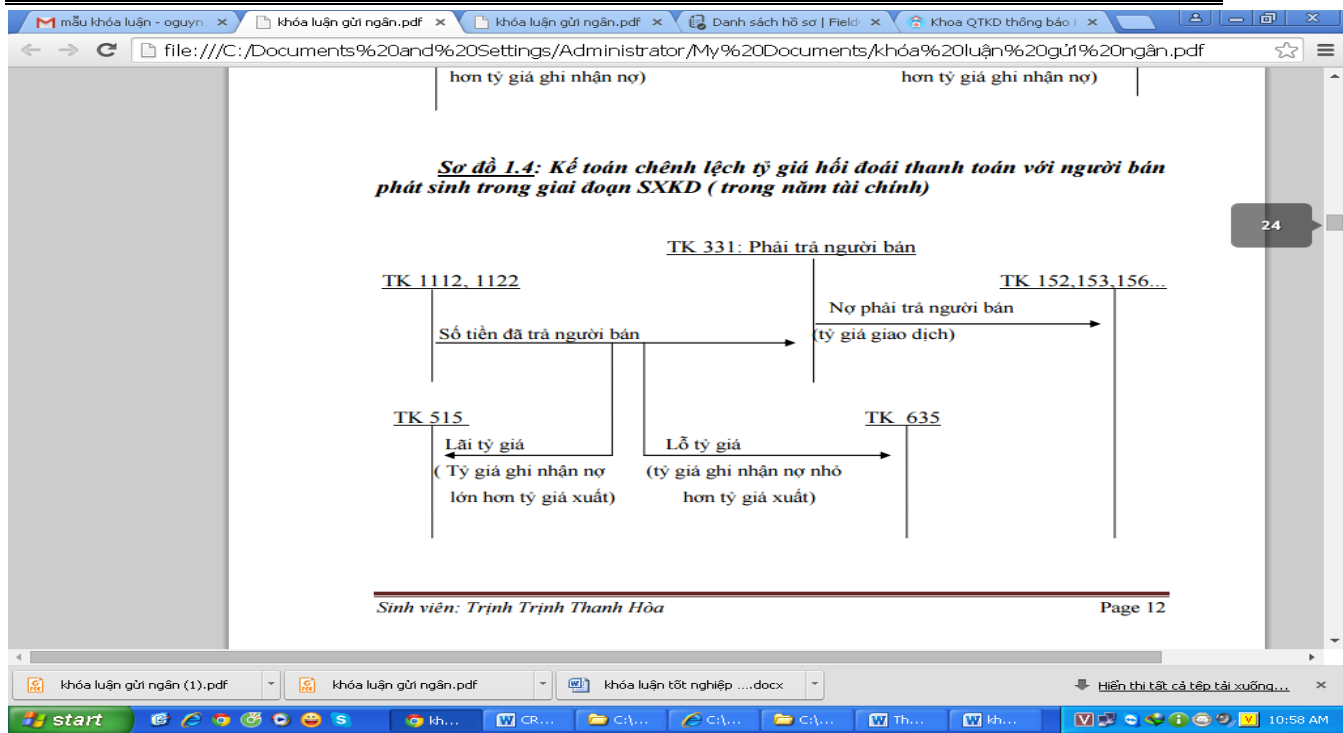
c) Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ thể hiện qua các sơ đồ sau:

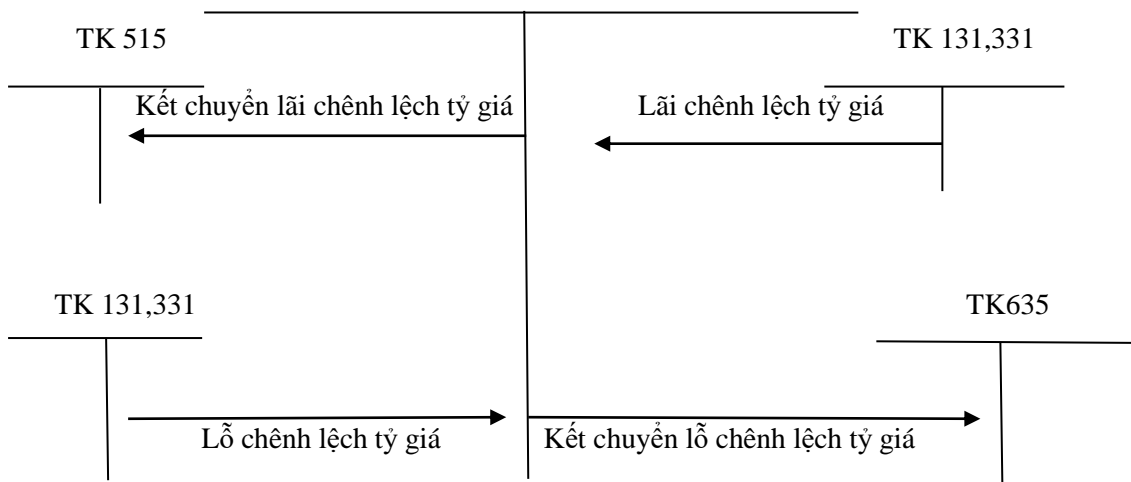


Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người mua phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)



Sơ đồ 1.4: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người bán phát sinh trong giai đoạn SXKD (trong năm tài chính)

TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái



Sơ đồ 1.5: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản thanh toán cuối năm tài chính của hoạt động SXKD

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (Lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và của hoạt động kinh doanh. Đối với doanh nghiệp đầu tư XDCB tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ phát sinh trong kỳ (giai đoạn trước hoạt động) chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào Nợ hoặc có TK 413 cho đến thời điểm hoàn thành đầu tư xây dựng , ban giao công trình vào sử dụng sẽ được kết chuyển ngay toàn bộ hoặc phân bổ dần vào có TK 515 hoặc nợ TK 635 trong thời gian tối đa không quá 5 năm.

1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

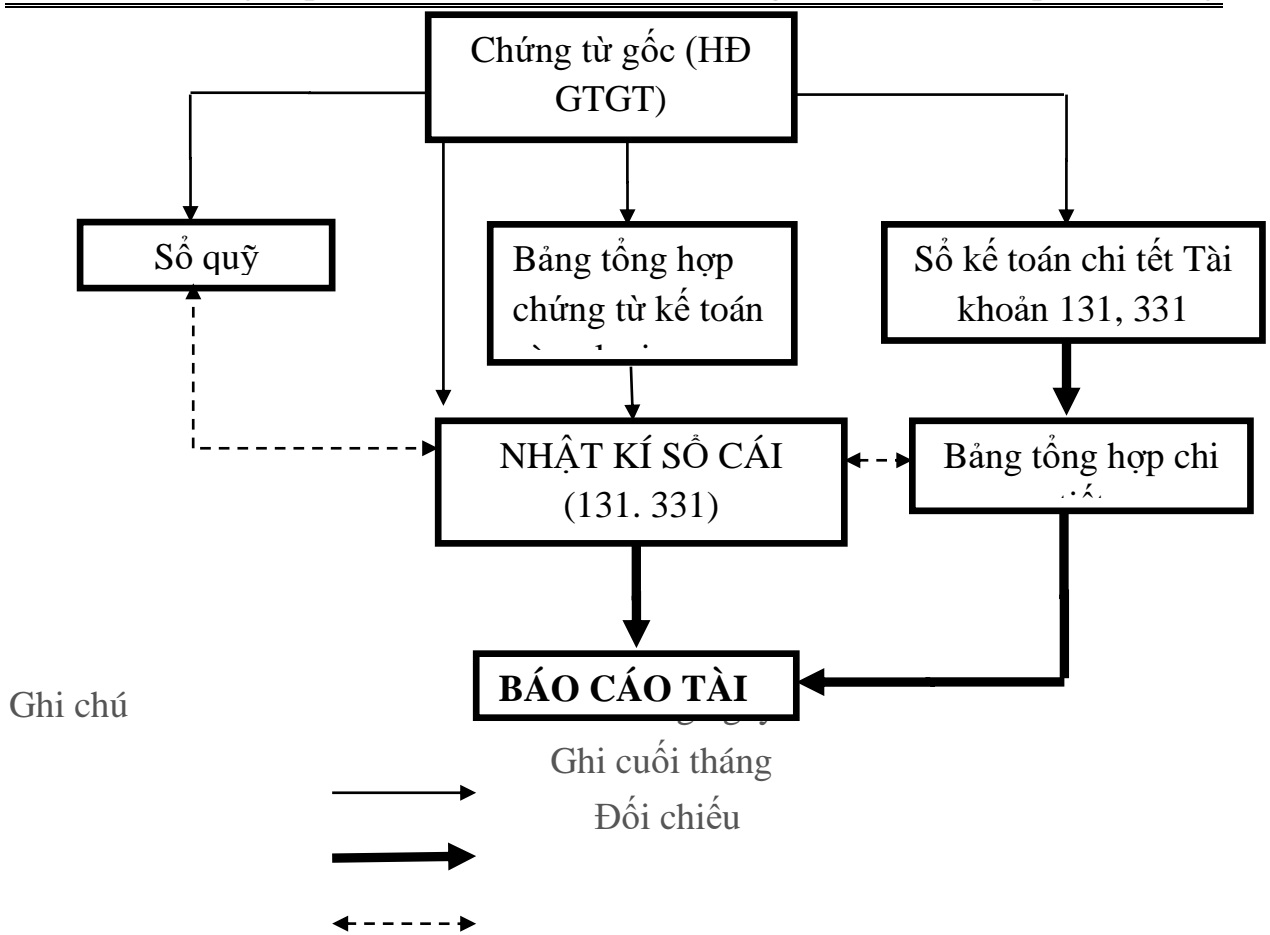
Hình thức kế toán là hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép, hệ thống hoá và tổng hợp số liệu từ chứng từ gốc theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Theo QĐ48/2006 doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức sau :

1.5.1. Hình thức Nhật ký sổ cái

Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các DN có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, sử dụng ít Tài khoản kế toán.

Theo hình thức sổ này thì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký- sổ cái.

Căn cứ để ghi vào các sổ nhật ký, sổ cái là các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc.\

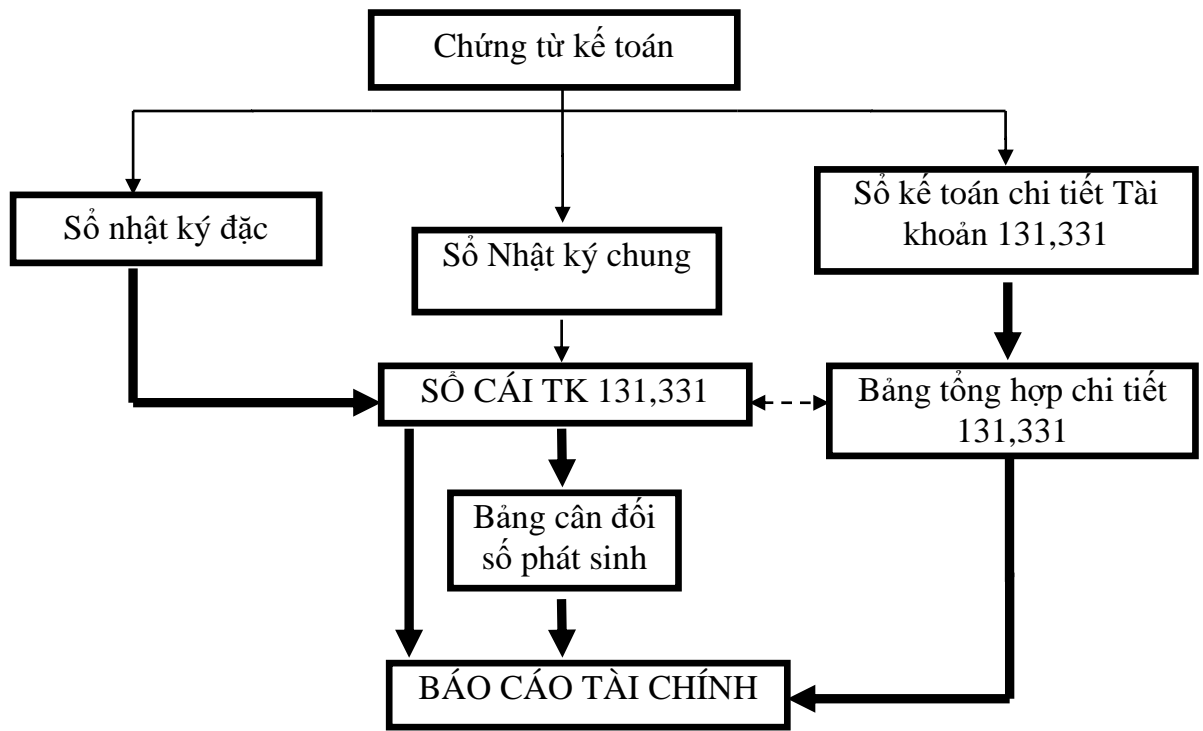


Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật Ký Sổ Cái

1.5.2. Hình thức Nhật ký chung

Hình thức nhật ký chung sử dụng cho hầu hết các loại hình doanh nghiệp: sản xuất- thương mại- dịch vụ - xây dựng có quy mô vừa và nhỏ.

Theo hình thức kế toán NKC tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Ghi chú

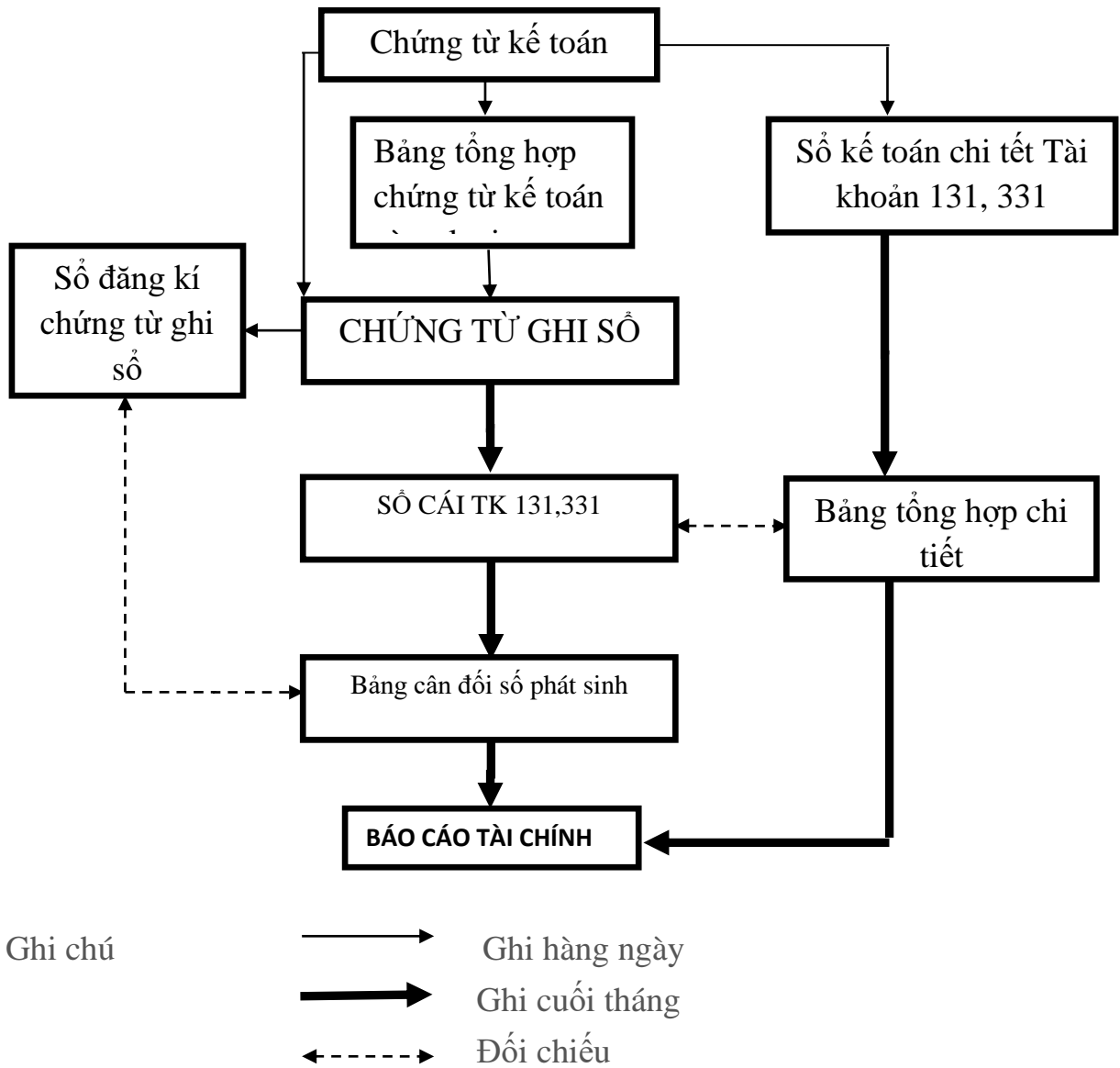
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật Kí Chung

1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

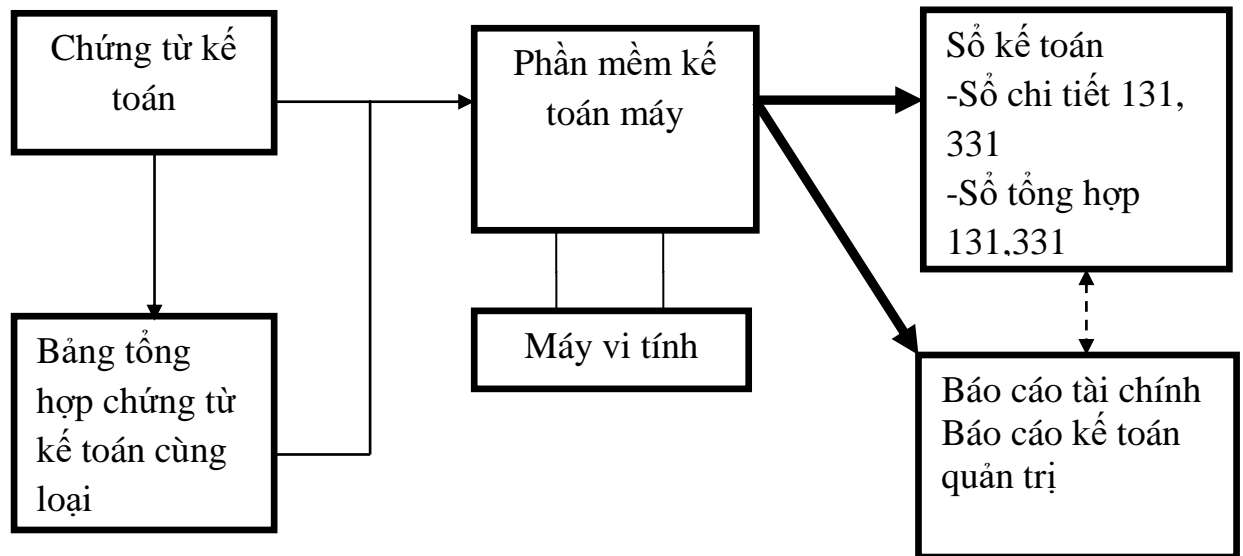
Theo hình thức chứng từ ghi sổ tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng Từ Ghi Sổ

1.5.4. Hình thức trên máy vi tính

Theo hình thức này công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định đã trình bày ở trên. Tuy nhiên phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán.



Ghi chú

Ghi hàng ngày
 Ghi cuối tháng
 Đối chiếu

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Kế toán máy

1.6. Phân tích một số chỉ tiêu về khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Trong kinh doanh vấn đề làm cho các chủ doanh nghiệp lo ngại là các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi, các khoản phải trả không có khả năng thanh toán. Vì vậy doanh nghiệp phải duy trì một mức vốn luân chuyển hợp lý để đáp ứng kịp thời các khoản nợ ngắn hạn, duy trì các loại hàng tồn kho để đảm bảo quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi. Tại các nước trên thế giới theo cơ chế thị trường căn cứ vào luật phá sản doanh nghiệp có thể bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu của các chủ nợ khi doanh nghiệp không có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả. Luật doanh nghiệp Việt Nam cũng quy định tương tự như vậy. Do đó các doanh nghiệp luôn luôn quan tâm đến các khoản nợ đến hạn trả và chuẩn bị nguồn để thanh toán.

Khả năng thanh toán của DN được thể hiện thông qua 1 số chỉ tiêu sau: Hệ số thanh toán tức thời, Hệ số thanh toán ngắn hạn, Hệ số thanh toán nhanh..

Hệ số thanh toán ngắn hạn (H_{nh}) (Liquidity Ratio hoặc [Current Ratio](#))

Hệ số thanh toán ngắn hạn của DN là mối quan hệ giữa toàn bộ tài sản có thời gian chu chuyển ngắn của doanh nghiệp với nợ ngắn hạn. Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$H_{nn} = \frac{\text{Tài sản}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này thể hiện mức độ bảo đảm của TSNH với NNH. Nợ ngắn hạn là những khoản nợ mà DN buộc phải thanh toán trong kỳ, do đó DN phải sử dụng những tài sản mà DN thực có và DN tiến hành hoán chuyển những tài sản này thành tiền và dùng số tiền đó để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Những tài sản có khả năng hoán chuyển thành tiền nhanh nhất là những tài sản ngắn hạn, đó là những tài sản mà DN đang quản lý và thuộc quyền sử dụng của DN.

Nếu $H_{n.h} > 1$: DN có khả năng thanh toán các khoản nợ vay và nếu hệ số này gia tăng thì nó phản ánh mức độ mà DN đảm bảo chi trả các khoản nợ là càng cao, rủi ro phá sản của DN thấp, tình hình tài chính được đánh giá là tốt, nhưng nếu hệ số này quá cao thì không tốt, nó cho thấy sự dồi dào của DN trong việc thanh toán nhưng lại giảm hiệu quả sử dụng vốn do DN đã đầu tư quá nhiều vào tài sản ngắn hạn và có thể dẫn đến 1 tình hình tài chính xấu.

Nếu $H_{n.h} < 1$: Khả năng thanh toán của DN là không tốt, tài sản ngắn hạn của DN không đủ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và các khoản nợ đến hạn phải trả.

Nếu H_{tt} tiến dần về 0 thì DN khó có khả năng có thể trả được nợ, tình hình tài chính của DN đang gặp khó khăn và DN có nguy cơ bị phá sản.

Hệ số thanh toán nhanh (H_{nhnh}) ([Quick Ratio](#))

. Tùy theo mức độ kịp thời của việc thanh toán nợ hệ số khả năng thanh toán nhanh có thể được xác định theo 2 công thức sau:

$$H_{nhnh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn- hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hay

$$H_{nhnh} = \frac{\text{Tiền \& các khoản TĐT + Đầu tư tài chính ngắn hạn + các khoản phải thu ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

H_{nhanh} thông thường biến động từ 0,5 đến 1, lúc đó khả năng thanh toán của DN được đánh giá là khả quan. Tuy nhiên, để kết luận hệ số này tốt hay xấu thì cần phải xem xét đến bản chất và điều kiện kinh doanh của DN. Nếu hệ số này $< 0,5$ thì DN đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ và để trả nợ thì DN có thể phải bán gấp hàng hóa, tài sản để trả nợ. Nhưng nếu hệ số này quá cao thì cũng không tốt bởi vì tiền mặt tại quỹ nhiều hoặc các khoản phải thu lớn sẽ ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả sử dụng vốn.

Khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp cao hay thấp, tình hình tài chính được đánh giá tốt hay xấu tùy thuộc vào lượng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn lớn hay bé, nợ ngắn hạn nhỏ hay lớn.

Hệ số thanh toán tức thời (H_{tt})(Cash Ratio)

Hệ số thanh toán tức thời cho biết, với số tiền và các khoản tương đương tiền, doanh nghiệp có đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ ngắn hạn hay không

$$H_{tt} = \frac{\text{Tiền \& các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này thường xuyên biến động từ 0,5 đến 1. Tuy nhiên, giống như trường hợp của khả năng thanh toán hiện hành (khả năng thanh toán ngắn hạn) và khả năng thanh toán nhanh, để kết luận giá trị của hệ số thanh toán tức thời là tốt hay xấu ở một doanh nghiệp cụ thể còn cần xem xét đến bản chất kinh doanh và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp đó. Nhưng nếu hệ số này quá nhỏ thì nhất định doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.

Mặc dù chỉ số này phản ánh được mức thanh khoản cao nhất của tài sản doanh nghiệp, nhưng tính khả dụng của nó lại tương đối hạn chế. Người ta rất ít khi sử dụng chỉ số thanh toán tiền mặt trong các báo cáo tài chính và các nhà phân tích cũng ít khi dùng chỉ số này trong phân tích cơ bản (fundamental analysis).

Tuy nhiên các hệ số trên chỉ được xem xét trong trạng thái tĩnh nên chưa đủ để đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Do vậy, cần sử dụng các chỉ tiêu mang tính chất quản trị để đánh giá khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

+ Số vòng quay của khoản phải thu khách hàng

Chỉ tiêu “Số vòng quay phải thu khách hàng” phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền. Trị giá chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ tốc độ thu hồi khoản phải thu càng nhanh. Điều này được đánh giá là tốt vì khả năng hoán chuyển thành tiền nhanh, do vậy đáp ứng nhu cầu thanh toán nợ. Khi phân tích

cũng chú ý là hệ số này quá cao có thể không tốt vì có thể DN thắt chặt tín dụng bán hàng, do vậy ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp. Vì vậy, khi đánh giá khả năng chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền cần xem xét đến chính sách tín dụng bán hàng của DN.

+ Số ngày của một chu kỳ nợ (Số ngày của doanh thu chưa thu)

Chỉ tiêu này phản ánh số ngày bình quân của một chu kỳ nợ, từ khi bán hàng đến khi thu tiền. Chỉ tiêu này nếu so sánh với kỳ hạn tín dụng của DN áp dụng cho từng khách hàng sẽ đánh giá tình hình thu hồi nợ và khả năng hoán chuyển thành tiền.

+ Số vòng quay của hàng tồn kho (H hàng)

Chỉ tiêu này đánh giá khả năng luân chuyển hàng tồn kho của DN. Trị giá chỉ tiêu này càng cao thì công việc kinh doanh được đánh giá là tốt, khả năng hoán chuyển tài sản này thành tiền cao. Khi phân tích chỉ tiêu này cần quan tâm đến đặc điểm mặt hàng kinh doanh và ngành nghề kinh doanh. Nếu DN kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau và ngành nghề khác biệt thì cần tính toán số vòng quay cho từng nhóm, ngành hàng.

+ Số ngày của một vòng quay kho hàng (N hàng)

Ngoài các chỉ tiêu trên, nhà phân tích còn có thể sử dụng số liệu chi tiết từ báo cáo công nợ để làm rõ tình hình thu nợ, trả nợ; qua đó làm rõ hơn khả năng thanh toán. Các chỉ tiêu bổ sung cho nội dung phân tích này như sau:

$$\begin{aligned}
 H1 &= \frac{\text{Nợ phải thu, phải trả mất khả năng thanh toán}}{\text{Tổng số nợ phải thu, phải trả}} \\
 H2 &= \frac{\text{Tổng số nợ phải thu, phải trả quá hạn}}{\text{Tổng số nợ phải thu, phải trả}} \\
 H3 &= \frac{\text{Tổng số nợ đã thu, đã trả trong kỳ}}{\text{Số nợ đầu kỳ + số nợ phát sinh trong kỳ}}
 \end{aligned}$$

Các chỉ tiêu trên được tính chung cho doanh nghiệp và tính riêng cho từng khách nợ, chủ nợ.

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán các khoản thanh toán tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

Tên doanh nghiệp	: Công ty trách nhiệm hữu hạn Quản lý Tàu biển TTC	
Tên giao dịch	: TTC SHIP MANAGEMENT COMPANY LIMITED	
Địa chỉ	: Phòng 101 tòa nhà TTC, số 630 Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	
Mã số thuế	: 0201184244	
Số điện thoại	: 0313.765840	Fax : 0313.765844
Người đại diện pháp lý	: Đỗ Ngọc Bình	
Loại hình doanh nghiệp	: Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên	
Quy mô	: Doanh nghiệp vừa và nhỏ	

Công ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC lập ngày 10 tháng 04 năm 2011.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0201184244 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Mặc dù là một doanh nghiệp vừa và nhỏ mới được thành lập vào năm 2011, nhưng Công ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC đã tạo được cho mình một vị thế có uy tín và vững chắc trong lĩnh vực vận tải tàu biển. Những năm qua, do nhận thấy tầm quan trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực vận tải tàu biển công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển, nhờ đó nắm giữ được thị phần lớn trên thị trường, tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm, phục vụ tốt nhất cho lợi ích khách hàng.

Hình thức sở hữu vốn: Số vốn ban đầu của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC là 3.000.000.000đ do các thành viên trong hội đồng sáng lập đóng góp.

Lĩnh vực kinh doanh: Vận tải

Ngành nghề kinh doanh: Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Các sản phẩm mà công ty đang cung cấp:

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ quản lý tàu biển. Dịch vụ lai kéo tàu biển

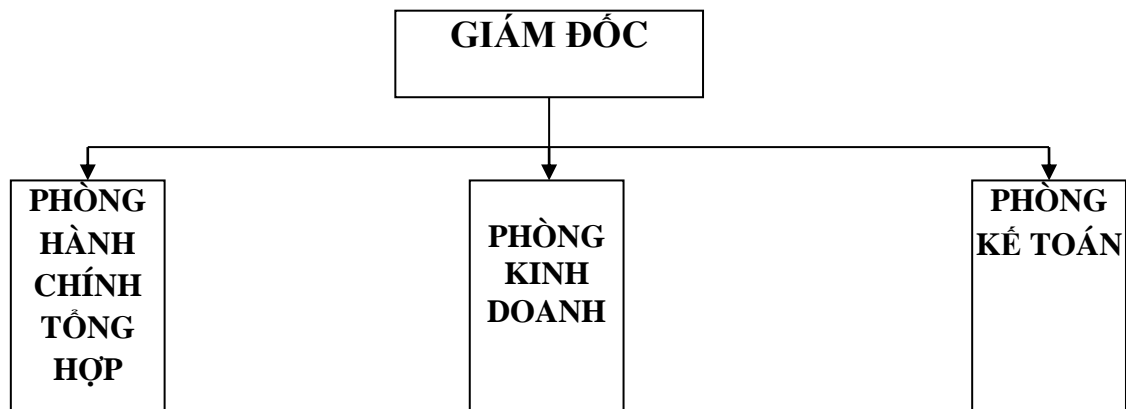
Biểu 2.1 : Bảng kết quả sản xuất kinh doanh của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC năm 2014, 2015

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn kinh doanh bình quân	4.519.045.769	4.626.889.378
2	Tổng doanh thu	7.520.891.143	8.861.250.489
3	Tổng doanh thu thuần	7.520.891.143	8.861.250.489
4	Tổng giá vốn hàng bán	4.512.588.686	5.316.750.293
5	Tổng lợi nhuận gộp	3.008.392.457	3.544.500.196
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.548.082.308	1.701.948.973
7	Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	8.147.730	9.599.688

Qua bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh trên của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC ta thấy lợi nhuận gộp của công ty đã tăng cụ thể năm 2014 là :3.008.392.457sang năm 2015 tăng đến 3.544.500.196tức là tăng 536.107.739.Để chứng minh thêm cho sự phát triển của công ty khi nhìn vào chỉ tiêu thu nhập bình quân 1 lao động/tháng thì ta thấy mức thu nhập đã tăng cụ thể năm 2014 là 8.147.730sang năm 2015 tăng lên :9.599.688.Tuy đó chưa phải là con số ấn tượng nhưng nhìn chung đó là sự cố gắng phấn đấu không ngừng nghỉ của đội ngũ cán bộ,công nhân viên trong công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Quản lý Tàu biển TTC
(Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

+ **Giám đốc:** là người có quyền lực cao nhất trong Công ty. Giám đốc là người phụ trách chung tình hình kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công ty, trong đó đặc biệt là hoạt động của phòng kinh doanh và phòng kế toán tài vụ và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động kế toán tài chính của Công ty trước cơ quan quản lý của Nhà nước.

+ **Phòng kinh doanh:** Bộ phận này làm nhiệm vụ tiếp cận khách hàng và nhà cung cấp, chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, sản xuất, nhập khẩu hàng hoá và cung cấp hàng hoá cho khách hàng. Dựa trên các hợp đồng kinh tế đã ký kết, phòng kinh doanh lập kế hoạch rồi trực tiếp tiến hành nhập khẩu hàng hoá và cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc, phó giám đốc và kết hợp chặt chẽ với các phòng ban khác có liên quan.

+ **Phòng kế toán:** Thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý, tham mưu cho ban giám đốc lập và thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và các báo cáo các quy định.

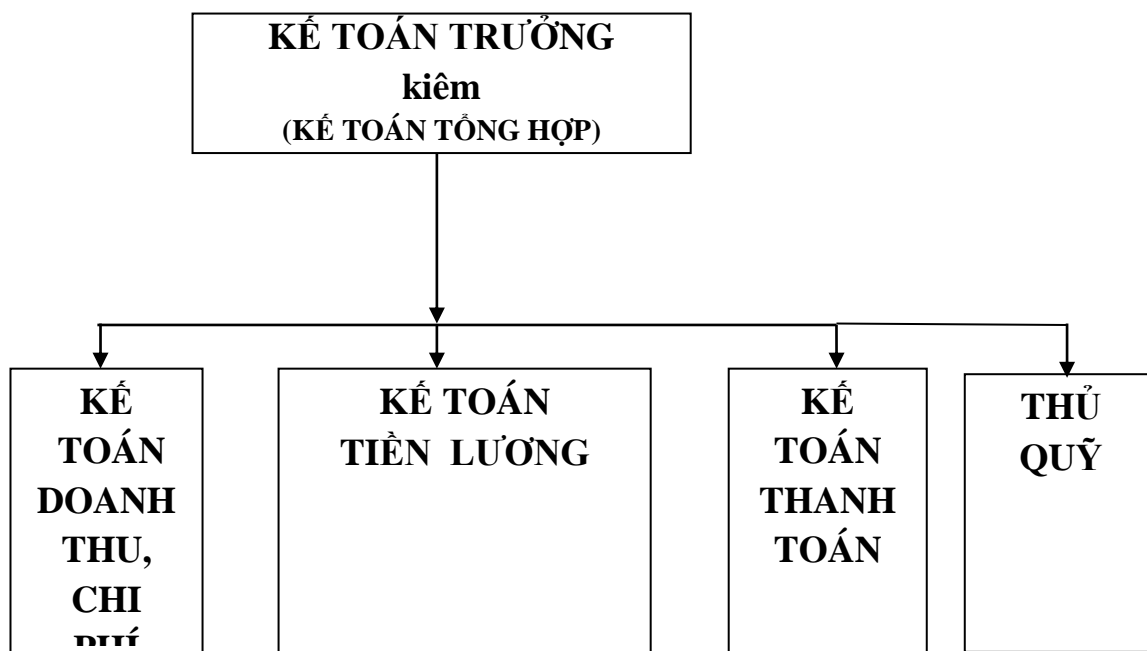
+ **Phòng hành chính tổng hợp:** Bộ phận này có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các mặt công tác tổ chức cán bộ nhân sự, công tác lao động tiền lương, tổ chức các phong trào thi đua, các hoạt động khen thưởng, kỷ luật.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty TNHH quản lý tàu biển TTC được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

(Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Với hệ thống mạng lưới kinh doanh và các đơn vị trực thuộc nhiều xong công ty xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chắc chắn phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phần hành nghiệp vụ. Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.

- **Kế toán trưởng** : là người có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực điều hành bộ máy kế toán của công ty, Có nhiệm vụ hướng dẫn,

kiểm tra các nhân viên kế toán, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh. Kế toán trưởng là người giúp việc đắc lực cho giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán

- **Kế toán tổng hợp** :Có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên. Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp. Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới trước khi báo cáo lên kế toán trưởng.

- **Thủ quỹ** :Theo dõi việc thu chi của công ty, chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt, quản lý tiền mặt trong quỹ tại công ty.

- **Kế toán tiền lương** :Có trách nhiệm lập bảng thanh toán lương của toàn thể công ty. Là người trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn... theo quy định của nhà nước.

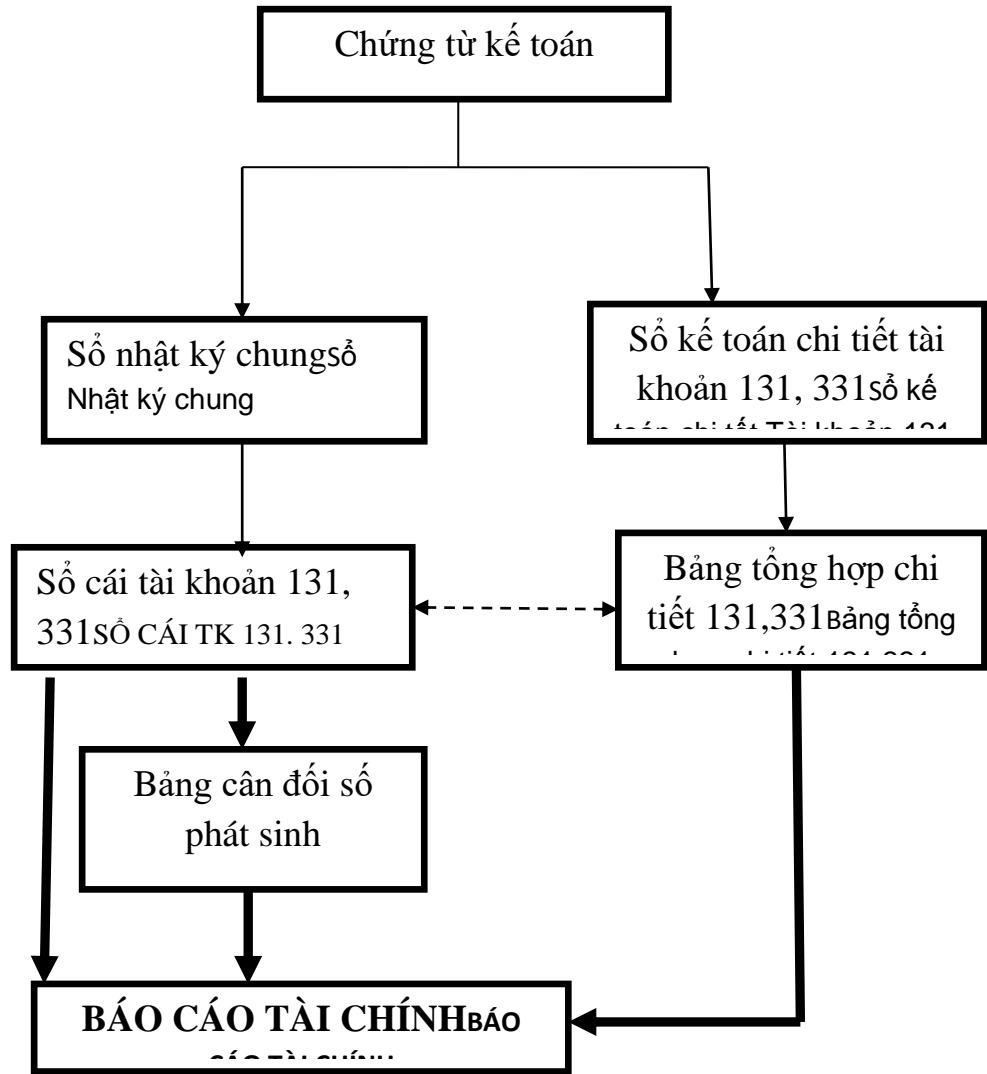
- **Kế toán doanh thu**: Theo dõi chi tiết tình hình doanh thu của công ty.

- **Kế toán thanh toán** :Theo dõi chi tiết cộng nợ của từng đối tượng của khách hàng. Thực hiện việc giao dịch thanh toán với bạn hàng và đối tác của công ty.

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu trừ đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT : Theo phương pháp khấu trừ
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Kiểm tra, đối chiếu ↔

2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua (khách hàng) tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

- Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu
- + GBC

- Để theo dõi các khoản thanh toán với người mua, kế toán sử dụng tài khoản 131

- Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ cái các TK 131.
- + Sổ chi tiết khách hàng.
- + Sổ tổng hợp tài khoản 131.

2.2.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người mua

Ví dụ 1: Ngày 9/12/2015, Kế toán hạch toán doanh thu cước vận chuyển sắt tàu Hải Bình 16 VOY 3 từ cảng Tiên Sa - Đà Nẵng đến cảng Hải An - Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số 0000120 (Biểu số 2.1), số tiền : 120.000.000, chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 131: 132.000.000

Có TK 511: 120.000.000

Có TK 3331: 12.000.000

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 9 tháng 12 năm 2015			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số:0000120		
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Mã số thuế: 0201163565 Địa chỉ: Phòng 101 Tòa nhà TTC, Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, TP.Hải Phòng Số tài khoản:031.003000087 - NHTMCP Việt Nam Tín Nghĩa – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Phạm Đức Trung Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI BIỂN HOÀNG LONG Địa chỉ:Số 93 lô 26D Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK /TM Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
01	Cước vận chuyển sắt tàu HẢI BÌNH 16 từ cảng Tiên Sa-Đà Nẵng đến cảng Hải An-Hải Phòng Việt Nam	Tấn	10	1.200.000	120.000.000
Cộng tiền hàng:					120.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 12.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					132.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000120(Biểu số 2.1), kế toán ghi nhận công nợ phải thu của công ty cổ phần Đại lý vận tải biển Hoàng Long vào sổ chi tiết phải thu(Biểu số 2.2)

Biểu số 2.2: Sổ chi tiết phải thu

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU
TK 131- Phải thu của khách hàng
Đối tượng: Công ty cổ phần Đại lý vận tải biển Hoàng Long
Tháng 12

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				30.000.000	
9/12	HĐ000120	9/12	Doanh thu cước vận chuyển sắt tàu HẢI BÌNH 16 từ cảng Tiên Sa- Đà Nẵng đến cảng Hải An-Hải Phòng	511	132.000.000		162.000.000	
16/12	GBC 751	16/12	Thu nợ 60% hóa đơn 000120 bằng chuyển khoản	112		79.200.000	82.800.000	
			Cộng số phát sinh tháng		132.000.000	79.200.000		
			Số dư cuối tháng				82.800.000	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ví dụ 2: Ngày 14/12/2015, Kế toán hạch toán doanh thu cước vận chuyển gỗ tàu An Bình 18 từ cảng Sài Gòn– TP Hồ Chí Minh đến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu theo hóa đơn GTGT số 0000125(Biểu số 2.3), số tiền : 77.502.348, chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 131 : 77.502.348

Có TK 511: 70.456.680

Có TK 3331: 7.045.668

Biểu số số 2.3.Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 14 tháng 12 năm 2015			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số:0000125		
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Mã số thuế: 0201163565 Địa chỉ: Phòng 101 Tòa nhà TTC, Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, TP.Hải Phòng Số tài khoản:031.003000087 - NHTMCP Việt Nam Tín Nghĩa – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Hoàng Thanh Thủy Tên đơn vị: Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn Địa chỉ: Thôn Hội, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Hà Nội Hình thức thanh toán: CK/TM Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
01	Cước vận chuyển gỗ tàu An Bình 18 từ cảng Sài Gòn – TP Hồ Chí Minh đến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa	Tấn	70	1.006.524	70.456.680
Cộng tiền hàng:					70.456.680
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		7.045.668
Tổng cộng tiền thanh toán					77.502.348
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu năm trăm linh hai nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

TNHH dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn vào sổ chi tiết phải thu(Biểu số 2.4)

Biểu số 2.4: Sổ chi tiết phải thu

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU

TK 131- Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn

Tháng 12

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>				<u>15.524.000</u>	
14/12	HĐ000125	14/12	Hạch toán doanh thu cước vận chuyển gỗ tàu An Bình từ cảng Sài Gòn – TP Hồ Chí Minh đến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu	511	77.502.348		86.026.348	
15/12	GBC1071	15/12	Thu nợ bằng chuyển khoản	112		60.000.000	26.026.348	
			Cộng số phát sinh tháng		77.502.348	60.000.000		
			<u>Số dư cuối kỳ tháng</u>				<u>26.026.348</u>	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ví dụ 3: Ngày 18/12/2015 Kế toán hạch toán doanh thu cước vận chuyển gạo tàu An Thịnh Phú 08 VOY 1 từ cảng Hòn Gai- Quảng Ninh đến cảng Nghi Sơn – Thanh Hóa theo hóa đơn GTGT số 0000128(Biểu số 2.5), số tiền:16.500.000 chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau :

Nợ 131: 16.500.000

 Có 511:15.000.000

 Có 3331:1.500.000

Biểu số 2.5.Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 18 tháng 12 năm 2015			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số:0000128		
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Mã số thuế: 0201163565 Địa chỉ: Phòng 101 Tòa nhà TTC, Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, TP.Hải Phòng Số tài khoản:031.003000087 - NHTMCP Việt Nam Tín Nghĩa – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Phạm Đức Trung Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN PHAN GIA Địa chỉ:Số 25 đường số 3 Phường Tân Thuận Đông Q.7, TP.Hồ Chí Minh Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
01	Cước vận chuyển gạo tàu An Thịnh Phú 08 VOY 1 từ cảng Hòn Gai- Quảng Ninh đến cảng Nghi Sơn – <i>Thanh Hóa</i>	Tấn	16	937.500	15.000.000
Cộng tiền hàng:					15.000.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT:					1.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					16.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm chín mươi chín đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000128(Biểu số 2.5), kế toán ghi nhận công nợ phải thu của công ty cổ phần VTB Phan Gia vào sổ chi tiết phải thu(Biểu số 2.6)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết phải thu

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU
TK 131- Phải thu của khách hàng
Đối tượng: Công ty Cổ Phần VTB Phan Gia
Tháng 12

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>3.200.000</u>	
18/12	HĐ000128	18/12	Hạch toán doanh thu cước vận chuyển gạo tàu An Thịnh Phú 08 VOY 1 từ cảng Hòn Gai- Quảng Ninh đến cảng Nghi Sơn – Thanh Hóa	511	16.500.000		19.700.000	
20/12	PT20/12	20/12	Thu nợ bằng tiền mặt	111		19.700.000	-	
25/12	GBC1507	25/12	Khách hàng ứng trước tiền hàng	112		25.000.000		25.000.000
			Cộng số phát sinh tháng		16.500.000	44.700.000		
			Số dư cuối tháng					<u>25.000.000</u>

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ví dụ 4: Ngày 15/12/2015 Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn thanh toán nợ bằng chuyển khoản theo GBC 1071(Biểu 2.7)

Kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 112:60.000.000

Có TK 131: 60.000.000

Biểu số 2.7. Giấy báo có

Ngân hàng BIDV.

Chi Nhánh: BIDV- Chi Nhánh Hải Phòng

Mã GDV:

Mã KH

SO GD:1071

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

Mã số thuế: 0201184244

Hôm nay chúng tôi đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung như sau Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn đã chuyển tiền vào tài khoản của quý khách:

Số tài khoản ghi có: 102010000779551

Số tiền bằng số:60.000.000đồng

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung: Trả tiền hàng

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào GBC1071(Biểu 2.8) ngày 15/12/2015 ,kế toán ghi nhận số tiền Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn thanh toán vào sổ chi tiết phải thu(Biểu 2.4).

Ví dụ 5: Ngày 16/12/2015 Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Long thanh toán nợ bằng chuyển khoản theo GBC751(Biểu 2.8)

Kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 112: 79.200.000

Có TK 131: 79.200.000

Biểu số số 2.8. Giấy báo có

Ngân hàng BIDV.

Mã GDV:

Chi Nhánh: BIDV- Chi Nhánh Hải Phòng

Mã KH

SO GD: 751

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

Mã số thuế: 0201184244

Hôm nay chúng tôi đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung như sau công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Long đã chuyển tiền vào tài khoản của quý khách:

Số tài khoản ghi có: 102010000779431

Số tiền bằng số: 79.200.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Trả tiền hàng

Ngày 16 tháng 12 năm 2015

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào GBC751 ngày 16/12/2015 ,kế toán ghi nhận số tiền Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Long thanh toán vào sổ chi tiết phải thu(biểu 2.6)

Ví dụ 6: Ngày 20/12/2015 Công ty Cổ phần VTB Phan Gia thanh toán tiền theo hóa đơn số 0000128 và số nợ đầu kỳ bằng tiền mặt theo phiếu thu số 20/T12(Biểu 2.9)

Kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 111: 19.700.000

Có TK 131: 19.700.000

Biểu số 2.9. Phiếu thu

<p>Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An - HP</p> <p>PHIẾU THU</p> <p>Ngày 20 Tháng 12 Năm 2015 Số hiệu: PT20/T12</p> <p>Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Hương Địa chỉ : công ty CP VTB Phan Gia Lý do chi :Thanh toán nợ. Số tiền:19.700.000 Bằng chữ: Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn. Kèm theo: Chứng từ gốc:</p> <p>Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....</p>	<p>Mẫu số 01 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/ 2006 của BTC) Nợ 111: 19.700.000 Có 131: 19.700.000</p> <p>Ngày 20 Tháng 12 Năm 2015</p>										
<table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 20%;">Thủ trưởng đơn vị</td> <td style="width: 20%;">Kế toán trưởng</td> <td style="width: 20%;">Người lập phiếu</td> <td style="width: 20%;">Thủ quỹ</td> <td style="width: 20%;">Người nộp tiền</td> </tr> <tr> <td>(Ký tên, đóng dấu)</td> <td>(Ký, họ tên)</td> <td>(Ký, họ tên)</td> <td>(Ký, họ tên)</td> <td>(Ký, họ tên)</td> </tr> </table>	Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền	(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	<p>Ngày 20 Tháng 12 Năm 2015</p>
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền							
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)							

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào phiếu thu số 20/T12 ngày 20/12/2015 ,kế toán ghi nhận số tiền Công ty Cổ phần VTB Phan Gia thanh toán vào sổ chi tiết phải thu(Biểu 2.6)

Ví dụ 7 : Ngày 25/12/2015 Công ty Cổ phần VTB Phan Gia ứng trước cho công ty 25.000.000 đồng bằng chuyển khoản theo GBC số 1507(biểu 2.10)

Kế toán định khoản như sau :

Nợ TK 112: 25.000.000

Có TK 131: 25.000.000

Biểu số 2.10. Giấy báo có

Ngân hàng BIDV.

Mã GDV:

Chi Nhánh: BIDV- Chi Nhánh Hải Phòng

Mã KH

SO GD:1057

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

Mã số thuế: 0201184244

Hôm nay chúng tôi đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung như sau
Công ty Cổ phần VTB Phan Gia đã chuyển tiền vào tài khoản của quý khách:

Số tài khoản ghi có: 102010000779238

Số tiền bằng số: 25.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng chẵn.

Nội dung: Trả tiền hàng

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào GBC ngày 25/12/2015 ,kế toán ghi nhận số tiền Công ty Cổ phần VTB Phan Gia ứng trước vào sổ chi tiết phải thu(Biểu 2.6).

2.2.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với khách hàng

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000120(biểu 2.1), hóa đơn GTGT số 0000125(biểu 2.3), hóa đơn GTGT số 0000128(biểu 2.5), giấy báo có 1071(biểu 2.7) , giấy báo có 751(biểu 2.8), phiếu thu 20/T12(biểu 2.9), giấy báo có 1057(biểu 2.8), kế toán ghi sổ Nhật Kí Chung(biểu 2.11)

Biểu số 2.11: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2015

Mẫu số S03a-DNN

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải
An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ
trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2015**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	CT		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
9/12	HĐ000120	9/12	DT cước vận chuyển sắt tàu Hải Bình 16 VOY 3 từ cảng Tiên Sa - Đà Nẵng đến cảng Hải An - Hải Phòng	131	132.000.000	
				511		120.000.000
				3331		12.000.000
...
14/12	HĐ000125	14/12	DT cước vận chuyển gạo tàu An Bình từ cảng Sài Gòn – TP Hồ Chí Minh đến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu	131	77.502.348	
				511		70.456.680
				3331		7.045.668
...
15/12	GBC1071	15/12	Thu nợ bằng chuyển khoản	112	60.000.000	
				131		60.000.000
...
16/12	GBC751	16/12	Thu nợ 60% hóa đơn 000120 bằng chuyển khoản	112	79.200.000	
				131		79.200.000
...
18/12	HĐ000128	18/12	DT cước vận chuyển gạo tàu An Thịnh Phú 08 VOY 1 từ cảng Hòn Gai- Quảng Ninh đến cảng Nghi Sơn – Thanh Hóa	131	16.500.000	
				511		15.000.000
				3331		1.500.000
...
20/12	PT20/12	20/12	Thu nợ bằng tiền mặt	111	19.700.000	
				131		19.700.000
...
25/12	GBC1057	25/12	Khách hàng ứng trước tiền hàng	112	25.000.000	
				131		25.000.000
...
Cộng số phát sinh năm					536.995.242.437	536.995.242.437

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ngày... tháng ...năm
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ cái tài khoản 131

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Mẫu số S03b-DNN

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015.

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		<u>373.450.986</u>	
			Số phát sinh trong kỳ			
...
9/12	HĐ000120	9/12	DT cước vận chuyển sắt tàu Hải Bình 16 VOY 3 từ <i>cảng Tiên Sa - Đà Nẵng đến cảng Hải An - Hải Phòng</i>	511 3331	120.000.000 12.000.000	 ...
...
14/12	HĐ000125	14/12	DT cước vận chuyển gạo tàu An Bình từ <i>cảng Sài Gòn – TP Hồ Chí Minh đến cảng Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu</i>	511 3331	70.456.680 7.045.668	
...

15/12	GBC	15/12	Thu nợ bằng chuyển khoản	112		60.000.000
...
16/12	GBC	16/12	Thu nợ 60% hóa đơn 000120 bằng chuyển khoản	112		79.200.000
...
18/12	HD000128	18/12	DT cước vận chuyển gỗ tàu An Thịnh Phú 08 VOY 1 từ cảng Hòn Gai- Quảng Ninh đến cảng Nghi Sơn – Thanh Hóa	511	15.000.000	
				3331	1.500.000	
...
20/12	PT20/12	20/12	Thu nợ bằng tiền mặt	111		19.700.000
25/12	GBC	25/12	Khách hàng ứng trước tiền hàng	112		25.000.000
...
			Cộng số phát sinh năm		61.676.033.401	61.175.432.387
			- Số dư cuối kỳ		<u>874.052.000</u>	

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào sổ chi tiết phải thu khách hàng (biểu 2.4), (biểu 2.4), (biểu 2.6). Kế toán ghi sổ tổng hợp thanh toán với người mua (biểu 2.11)

Biểu số 2.13. Sổ tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN
Tài khoản 131: Phải thu khách hàng
Năm 2015

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ Phần VTB Phan Gia	3.200.000		16.500.000	44.700.000		25.000.000
2	Công ty TNHH Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn	15.524.000		70.456.692	63.411.623	22.569.069	
3	Công ty cổ phần Đại lý vận tải biển Hoàng Long	30.000.000		120.000.000	72.000.000	78.000.000	
...
	Tổng	146.172.000		1.420.870.076	540.334.869	961.140.000	87.088.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Hải Phòng, ngày 31..tháng 12.năm 2015
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp) tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

- Chứng từ:
 - + Hóa đơn GTGT(Liên 2)
 - + Phiếu chi
 - + Giấy ủy nhiệm chi (UNC), Giấy báo nợ (GBN)
- Để theo dõi các khoản thanh toán với người bán, kế toán sử dụng tài khoản 331
- Sổ sách kế toán.
 - + Sổ nhật ký chung.
 - + Sổ chi tiết thanh toán với người bán
 - + Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán.
 - + Sổ cái các TK liên quan.

2.3.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

Ví dụ 9: Ngày 3/12/2015 Kế toán hạch toán mua sơn xuất cho việc sửa chữa tàu An Thịnh Phú 08 theo hóa đơn GTGT số 00001825(Biểu số 2.14), số tiền:255.288.000, chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 154: 232.080.000

Nợ TK 133: 23.208.000

Có TK 331: 255.288.000

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mã số thuế(VAT code) : 0304610624

Địa chỉ(Address) : Lầu 10, Tòa nhà Green Power,35 Tôn Đức Thắng, P.Bến Tre, Q1,TP.HCM

Tel : 84.8.22205319 Fax : 84.8.22205324

Tài khoản số(No.A/C) : 140314851000892 tại NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Quận 7 – Tp.HCM

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Liên 2 :giao cho người mua

Ký hiệu: AA/15P

Ngày 3 tháng 12 năm 2015

Số:0001825

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Địa chỉ : Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.Hải Phòng

Mã số thuế : 0201184244

Hình thức thanh toán : CK/TM

SỐ Tài khoản:

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Sơn chống rỉ M Nâu đỏ	lít	3.038	76.384	232.080.000
Cộng tiền hàng:					232.080.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		23.208.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					255.288.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0001825 biểu 2.14, kế toán ghi nhận công nợ phải trả của Công ty CP Sơn Dầu Khí Việt Nam vào sổ chi tiết phải trả (Biểu 2.15)

Biểu số 2.15. Sổ chi tiết phải trả

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ
TK 331- Phải trả người bán
Đối tượng: Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam
Tháng 12

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>					<u>26.417.000</u>
3/12	HĐ0001825	3/12	Hạch toán cấp sơn tàu An Thịnh Phú 08 – Cty CP Sơn Dầu Khí	154 133		232.080.000 23.208.000		258.497.000 281.705.000
20/12	UNC062	20/12	Thanh toán nợ cho công ty Sơn Dầu Khí bằng chuyển khoản	112	204.230.400			41.474.600
			Cộng số phát sinh		204.230.400	255.288.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>					<u>77.474.600</u>

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ví dụ 10: Ngày 15/12/2015 Kế toán hạch toán mua nhiên liệu cấp thẳng cho tàu An Biên 89 PSI 038657/A số tiền: 121.030.000 theo hóa đơn số 0003024(biểu 2.15) ,chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 154: 121.030.000

Nợ TK 133: 12.103.000

Có TK 331: 133.133.000

Biểu số 2.16.Hóa đơn GTGT

1.1.1 CÔNG TY TNHH XÃNG DẦU CHEMLUBE VIỆT NAM

Mã số thuế(VAT code) : 0313209680

Địa chỉ(Address) : 1206/35/2A Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Tel : 84.8.22205319 Fax : 84.8.22205324

Tài khoản số(No.A/C) : 140314851000892 tại NH TMCP Xuất nhập khẩu
Việt Nam – CN Quận 7 – Tp.HCM

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/15P

Liên 2 :giao cho người mua

Số:0003024

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Địa chỉ : Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.Hải Phòng

Mã số thuế : 0201184244

Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

S ố Tài khoản:

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Dầu Fuel oils	lít	3.000	16.890	50.670.000
2	Dầu Diesel oils	lít	4.000	17.590	70.360.000
Cộng tiền hàng:					121.030.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			12.103.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					133.133.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0003024 biểu 2.16, kế toán ghi nhận công nợ phải trả của Công ty CP Sơn Dầu Khí Việt Nam vào sổ chi tiết phải trả (Biểu 2.17)

Biểu số 2.17.Sổ chi tiết phải trả

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Mẫu số: S17-DNN

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ

TK 331- Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty xăng dầu Chemlube Việt Nam

Tháng 12

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<u>24.640.000</u>
15/12	HĐ0003024	15/12	Hạch toán cấp nhiên liệu tàu An Biên 89 PSI 038657/A	154		133.133.000		157.773.000
21/12	UNC068	21/12	Trả nợ cho công ty xăng dầu Chemlube Việt Nam bằng chuyển khoản	112	79.879.800			77.893.200
			Cộng số phát sinh		79.879.800	133.133.000		
			Số dư cuối kỳ					<u>77.893.200</u>

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ví dụ 11: Ngày 18/12/2015 Mua bảo hiểm thân tàu kỳ 4 An Thịnh Phú 08 theo hóa đơn GTGT số 0005072(Biểu 2.18), số tiền:19.154.603, chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 154: 17.413.275

Nợ TK 133: 1.741.328

Có TK 331: 19.154.603

Biểu số 2.18: Hóa đơn GTGT

CÔNG TY BẢO VIỆT HẢI PHÒNG

Mã số thuế(VAT code) : 0101527385 - 013

Địa chỉ(Address) : Địa chỉ: **Số 24 Điện Biên Phủ, P. Máy tơ, , Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**

Tel : 84.8.22205319 Fax : 84.8.22205324

Tài khoản số(No.A/C) :

HOÁ ĐƠN
 GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2 : giao cho người mua
 Ngày 18 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: 01 GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/15P
 Số:0005072

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Địa chỉ : Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1, Q.Hải An, Tp.Hải Phòng

Mã số thuế : 0201184244

Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

S ố Tài khoản:

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Số tiền		Giấy chứng nhận /Hợp đồng/ Đơn BH
		Đồng Việt Nam	Ngoại tệ	
	Phí bảo hiểm thân tàu kỳ 4/2015 “thân vỏ tàu An Thịnh Phú”	17.413.275		
Cộng tiền hàng:				17.413.275
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.741.328
		Tổng cộng tiền thanh toán:		19.154.603
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười chín triệu một trăm lăm mươi tư nghìn sáu trăm linh ba đồng chẵn..</i>				

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0005072(Biểu 2.18),kế toán ghi nhận công nợ phải trả của Công ty Bảo Việt Hải Phòng vào sổ chi tiết phải trả(Biểu 2.19)

Biểu số 2.19.Sổ chi tiết phải trả

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ
TK 331- Phải trả người bán
Đối tượng: Công ty Bảo Việt Hải Phòng
Tháng 12

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
18/12	HĐ0005072	18/12	Hạch toán phí bảo hiểm thân tàu kỳ 4 An Thịnh Phú 08	154 133		17.413.275 1.741.328		17.413.275 19.154.603
20/12	PC25/12	20/12	thanh toán tiền theo hóa đơn số 0005072 cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền mặt.	111	19.154.603			-
27/12	UNC070	27/12	Ứng trước tiền bảo hiểm cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền gửi ngân hàng.	112	30.000.000		30.000.000	
			Cộng số phát sinh		49.154.603	19.154.603		
			Số dư cuối kỳ				30.000.000	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Ví dụ 12: Ngày 20/12/2015 Thanh toán tiền cấp sơn tàu An Thịnh Phú 08 cho công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam bằng tiền gửi theo ủy nhiệm chi ngày 20/12/2015(biểu 2.20)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331: 204.230.400

Có TK 112: 204.230.400

Biểu số 2.20.UNC



ỦY NHIỆM CHI Số/No: 062
PAYMENT ORDER Ngày/Date: 20/12/2015

Chi nhánh : CN Hải Phòng

T ax code: 02001124891-001

Số tiền/Amounts: 204.230.400		VNĐ	Phí trong: <i>Changes</i>
Bằng chữ/in words: Hai trăm linh bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng chẵn.		Phí NH: <i>included</i>	Phí ngoài: <i>Changes</i>
Nội dung/ Remarks: thanh toán tiền cấp sơn			<i>Changes</i> <i>excluded</i>
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC Appilicant		ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN DẦU KHÍ VIỆT NAM	
Số CMND/ID/PP:		Beneficiary	
Ngày cấp/Date:	Nơi cấp/Place:	Ngày cấp/Date:	Nơi
Số tài khoản/AC No: 0118100001403008	Tại NH/at bank: Ngân hàng ACB – CN Hải Phòng	cấp/Place:	Số tài khoản/AC No:
			203704070999886
			Tại NH/at bank: Ngân hàng HDBank – CN Hải Phòng

KẾ TOÁN	CHỦ	NGÂN HÀNG	NGÂN HÀNG
TRƯỞNG	TÀI	GỬI/ SENDING	NHẬN/RECIEIVING
Chief accountant	KHOẢN	BANK	BANK
	Account holder	Giao dịch viên	Kiểm soát viên

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào UNC ngày 20/12/2016(Biểu 2.20), kế toán ghi nhận số tiền đã thanh toán cho công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam vào sổ chi tiết phải trả(Biểu 2.15)

Ví dụ 13: Ngày 21/12/2015 Thanh toán tiền cấp nhiên liệu tàu An Biên 89 cho Công ty xăng dầu Chemlube Việt Nam bằng tiền gửi theo ủy nhiệm chi ngày 21/12/2015(biểu 2.21)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331: 79.879.800

Có TK 112: 79.879.800

Biểu số 2.21.UNC



ỦY NHIỆM CHI Số/No: 068
PAYMENT ORDER Ngày/Date: 21/12/2015

Chi nhánh : CN Hải Phòng

T ax code: 02001124891-001

Số tiền/Amounts:		VNĐ	Phí trong:
79.879.800			Changes
Bằng chữ/in words: <i>Bảy mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng chẵn.</i>		Phí NH:	<i>included</i>
Nội dung/ Remarks: thanh toán tiền cấp nhiên liệu		Changes	Phí ngoài: <i>Changes</i>
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC		ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG:	<i>excluded</i>
Appilicant		CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU	
Số CMND/ID/PP:		CHEMLUBE VIỆT NAM	
Ngày cấp/Date: Nơi cấp/Place:		Beneficiary	
Số tài khoản/AC No: 0118100001403008		Ngày cấp/Date: Nơi cấp/Place:	
Tại NH/at bank: Ngân hàng ACB – CN Hải Phòng		Số tài khoản/AC No:	
		203704070999889	
		Tại NH/at bank: Ngân hàng HDBank – CN Hải Phòng	

KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG GỬI/ SENDING BANK	NGÂN HÀNG NHẬN/RECIEIVING BANK
Chief accountant	Account holder	Giao dịch viên	Kiểm soát viên

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)
 Căn cứ vào UNC ngày 21/12/2016(Biểu số 2.21 kế toán ghi nhận bút toán thanh toán cho Công ty xăng dầu Chemlube Việt Nam vào sổ chi tiết phải trả(Biểu 2.17)

Ví dụ 14: Ngày 25/12/2016 thanh toán tiền theo hóa đơn GTGT số 00005072 cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331: 19.154.603

Có TK 112: 19.154.603

Biểu số 2.22: Phiếu chi

Công Ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông - Đông Hải 1 - Hải An -
Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/ 2006 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 12 năm
2015

Số hiệu: PC25/T12

Họ tên người nhận tiền: Phùng Thị Hương

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp: Thanh toán phí bảo hiểm thân tàu

Số tiền: **19.154.603 VNĐ**

Bằng chữ: Mười chín triệu một trăm lăm mươi tư nghìn sáu trăm linh ba đồng chẵn.

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 25 tháng 12 năm
2015

Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu)	Kế toán tr- ưởng (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	---	--	----------------------------------	--

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào phiếu chi số PC25/T12(biểu 2.22), kế toán ghi nhận bút toán thanh toán chocông ty Bảo Việt Hải Phòng vào sổ chi tiết phải trả(Biểu 2.19)

Ví dụ 15: Ngày 27/12/2016 ứng trước 30.000.000 tiền bảo hiểm cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền gửi ngân hàng theo ủy nhiệm chi ngày 27/12/2015(biểu 2.23)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331: 30.000.000

Có TK 112: 30.000.000

Biểu số 2.23.UNC



ỦY NHIỆM CHI Số/No: 070
PAYMENT ORDER Ngày/Date: 27/12/2015

Chi nhánh : CN Hải Phòng

T ax code: 02001124891-001

	Số tiền/Amounts:	VNĐ	Phí trong:
	30.000.000		<i>Changes included</i>
Bằng chữ/in words: <i>Ba mươi triệu đồng chẵn.</i> Nội dung/ Remarks: Ứng trước tiền bảo hiểm thân tàu			Phí NH: <i>Changes excluded</i>

ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
 Applicant

Số CMND/ID/PP:
Ngày cấp/Date: Nơi cấp/Place:
Số tài khoản/AC No: 0118100001403008
Tại NH/at bank: Ngân hàng ACB – CN Hải Phòng

ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG:
CÔNG TY BẢO VIỆT HẢI PHÒNG

Beneficiary
Ngày cấp/Date: Nơi cấp/Place:
Số tài khoản/AC No: 203704070999888
Tại NH/at bank: Ngân hàng ViettinBank – CN Hải Phòng

KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TÀI KHOẢN	NGÂN HÀNG GỬI/SENDING BANK	NGÂN HÀNG NHẬN/RECEIVING BANK
Chief accountant	Account holder	Giao dịch viên	Kiểm soát viên

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Căn cứ vào UNC ngày 27/12/2016, kế toán ghi nhận số tiền ứng trước cho công ty Bảo Việt Hải Phòng vào sổ chi tiết phải trả (biểu 2.19)

2.3.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với người bán

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0001825(biểu 2.14), hóa đơn GTGT số 0003024(biểu 2.16), hóa đơn GTGT số 0005072(biểu 2.18), ủy nhiệm chi 062(biểu 2.20), ủy nhiệm chi 068(biểu 2.21) phiếu chi 25/T12(biểu 2.22), ủy nhiệm chi 070(biểu 2.23) kế toán ghi sổ Nhật Ký Chung(biểu 2.24)

Biểu số 2.24.Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An,
Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2015**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	CT		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
3/12	HĐ0001825	3/12	Hạch toán cấp sơn tàu An Thịnh Phú 08 – Cty CP Sơn Dầu Khí	154	232.080.000	
				133	23.208.000	
				331		255.288.000
...
15/12	HĐ0003024	15/12	Hạch toán cấp nhiên liệu tàu An Biên 89 PSI 038657/A	154	121.030.000	
				133	12.103.000	
				331		133.133.000
...
18/12	HĐ0005072	18/12	Hạch toán phí bảo hiểm thân tàu kỳ 4 An Thịnh Phú 08	154	17.413.275	
				133	1.741.328	
				331		19.154.603
...
20/12	UNC062	20/12	Thanh toán tiền cấp sơn tàu An Thịnh Phú 08	331	204.230.400	
				112		204.230.400
...
21/12	UNC068	21/12	Thanh toán tiền cấp nhiên liệu tàu An Biên 89	331	79.879.800	
				112		79.879.800
...
25/12	PC25/12	25/12	Thanh toán tiền cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền mặt.	331	19.154.603	
				111		19.154.603
...
27/12	UNC070	27/12	Ứng trước tiền bảo hiểm cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền gửi ngân hàng.	331	30.000.000	
				112		30.000.000
...
			Cộng số phát sinh năm		536.995.242.437	536.995.242.437

Ngày... tháng ...năm

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Căn cứ sổ nhật ký chung(biểu 2.24) kế toán ghi sổ cái tài khoản 331(biểu 2.25)

Biểu số 2.25: Sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Mẫu số: S03b-DN

Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1,
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015.

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, Tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>10.170.511.770</u>
			Số phát sinh trong kỳ			
...
3/12	HĐ0001825	3/12	Hạch toán cấp sơn tàu An Thịnh Phú 08 – Cty CP Sơn Dầu Khí	154		232.080.000
				133		23.208.000
...
15/12	HĐ0003024	15/12	Hạch toán cấp nhiên liệu tàu An Biên 89 PSI 038657/A	154		121.030.000
				133		12.103.000
...
18/12	HĐ0005072	18/12	Hạch toán phí bảo hiểm thân tàu kỳ 4 An Thịnh Phú 08 (HĐ 0005072)	154		17.413.275
				133		1.741.328
...
20/12	UNC	20/12	Thanh toán tiền cấp sơn tàu An Thịnh Phú 08 theo hóa đơn số 00001825	112	204.230.400	

...
21/12	UNC	21/12	Thanh toán tiền cấp nhiên liệu tàu An Biên 89 theo hóa đơn số 00003024	112	79.879.800	
...
25/12	PC25/12	25/12	Thanh toán tiền cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền mặt.	111	19.154.603	
...
27/12	UNC	27/12	Ứng trước tiền bảo hiểm cho công ty Bảo Việt Hải Phòng bằng tiền gửi ngân hàng.	112	30.000.000	
...
			Cộng số phát sinh năm		58.154.413.858	60.157.225.690
			- Số dư cuối kỳ			<u>12.422.440.650</u>

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ số chi tiết phải trả người bán (biểu 2.15), (biểu 2.17), (biểu 2.19). Kế toán ghi sổ tổng hợp phải trả người bán (biểu 2.26)

Biểu số 2.26. Sổ tổng hợp phải trả người bán

Công ty TNHH quản lý tàu biển TTC
Số 630 Lê Thánh Tông, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN
Tài khoản 331 – phải trả người bán
Tháng 12

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam		26.417.000	204.230.400	255.288.000		77.747.600
2	Công ty xăng dầu Chemlube Việt Nam		24.640.000	79.879.800	133.133.000		77.893.200
3	Công ty Bảo Việt Hải Phòng			49.154.603	19.154.603	30.000.000	
...
	Tổng		10.302.236.970	1.666.324.015	2.037.878.015	249.117.048	12.671.557.698

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Hải Phòng, ngày.31..tháng.12.năm 2015
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Căn cứ vào sổ cái tài khoản 131(biểu 2.12), sổ cái tài khoản 331(biểu 2.25) kế toán phản ánh các chỉ tiêu liên quan vào bảng cân đối tài khoản như biểu 2.27

Biểu số 2.27. Bảng cân đối tài khoản

Đơn vị: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC
Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P.Đông Hải 1,
Q.Hải An, Tp.Hải Phòng

Mẫu số F 01 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
 ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (*)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
...
131	Phải thu của khách hàng	373.450.986	0	61.676.033.401	61.175.432.387	874.052.000	0
331	Phải trả cho người bán	0	10.170.511.770	58.154.413.858	60.157.225.690		12.422.440.650
...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

1.1.2 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016.
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào bảng tổng hợp thanh toán với người mua (biểu 2.13), người bán (biểu 2.26) kế toán phản ánh các chỉ tiêu liên quan vào bảng cân đối kế toán như biểu 2.28

Biểu số 2.28. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Quản lý tàu biển TTC

Mẫu số B 01 - DNN

Địa chỉ: Số 630 Lê Thánh Tông, P. Đông Hải 1,
Q. Hải An, Tp. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(III.01)		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu của khách hàng	131		961.140.000	373.450.986
2. Trả trước cho người bán	132		249.117.048	-
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			

1. Hàng tồn kho	141	(III.02)		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240)	200			
I. Tài sản cố định	210	(III.03.04)		
1. Nguyên giá	211			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212			
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV. Tài sản dài hạn khác	240			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250			
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300			

(300 = 310 + 330)				
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312		12.671.557.698	10.170.511.770
3. Người mua trả tiền trước	313		87.088.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Vay và nợ dài hạn	331			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			

2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN NHẪM QUẢN LÝ TỐT CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ TÀU BIỂN TTC****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC**

Cũng như các công ty thương mại khác công ty TNHH quản lý tàu biển TTC mong muốn mình luôn để lại trong lòng khách hàng cũng như nhà cung cấp ấn tượng tốt. Để đáp ứng mong muốn đó thì ngoài chất lượng sản phẩm cùng những đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm chễ và phải luôn linh hoạt khéo léo, chính vì vậy công tác kế toán thanh toán là một mảng vô cùng quan trọng.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu tình hình thực tế tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC, em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán thanh toán kế toán nói riêng tại công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán nói chung của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung, đơn giản gọn nhẹ nhưng hiệu quả; luôn có sự kết hợp ăn ý giữa phòng kế toán và các phòng ban khác trong công ty, vì vậy kế toán có thể cập nhật đầy đủ chứng từ phục vụ cho công việc ghi sổ.

Kế toán thanh toán tại phòng kế toán tài chính được giao nhiệm vụ thực hiện toàn bộ quá trình thu nhận, xử lý, ghi chép theo dõi tình hình thanh toán trên hệ thống sổ sách, đồng thời luôn cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho ban lãnh đạo công ty thông qua việc báo cáo phân tích tổng hợp thông tin của nhà cung cấp cũng như khách hàng.

Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Công ty đã sử dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra đối chiếu sau này được thuận lợi.

Việc tổ chức, bảo quản, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ để kiểm tra kiểm soát tạo điều kiện cung cấp thông tin kịp thời chính xác.

Về hệ thống tài khoản: Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản theo đúng quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính, đồng thời công ty cũng xây dựng một hệ thống danh sách những nhà cung cấp cũng như khách hàng để tạo sự thuận lợi cho việc theo dõi tình hình thanh toán với người mua và người bán giúp kế toán vừa có thể theo dõi chi tiết từng đối tượng vừa có thể theo dõi tổng hợp tình hình thanh toán trên toàn công ty.

Về hạch toán kế toán thanh toán: Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc. Công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán theo từng đơn đặt hàng. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và đưa ra các hoạch định chiến lược cho công ty.

Công ty đã theo dõi công nợ phải thu, cũng như phải trả khách hàng một cách khoa học. Có sự phối hợp và đối chiếu công nợ thường xuyên, do đó công nợ của công ty được phản ánh với những số liệu chính xác và đầy đủ, làm hài lòng các khách hàng cũng như nhà cung cấp.

3.1.2. Hạn chế

Mặc dù ban lãnh đạo công ty đã áp dụng những biện pháp nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác kế toán, các kế toán viên luôn nỗ lực hết mình trong công việc nhưng để theo kịp sự tiến bộ không ngừng của nền kinh tế thị trường, khoa học kỹ thuật thì công tác kế toán của công ty cũng không tránh khỏi những hạn chế.

Thứ nhất: Hiện tại, công ty TNHH quản lý tàu biển TTC chưa lập dự phòng phải thu khó đòi. Đối với các khoản nợ ngoại trừ việc cố gắng để thu hồi các khoản nợ phải thu thì công ty chưa đưa ra giải pháp nào để xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi theo hướng có lợi nhất cho công ty, trong khi với tình hình kinh tế hiện nay nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Vì vậy một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại như công ty TNHH quản lý tàu biển TTC thì việc chưa lập dự phòng là một hạn chế lớn.

Thứ hai: Trong công tác kế toán thanh toán, mặc dù công ty đã có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng nhưng công ty mới chỉ áp dụng chiết

khấu cho những khách hàng lớn, thời gian áp dụng chiết khấu công cứng nhắc, chưa linh hoạt.

Thứ ba: Tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC công tác kế toán chưa có sự trợ giúp của phần mềm kế toán, mọi công việc của kế toán viên đều thực hiện thủ công nên tiêu tốn mất nhiều thời gian và đôi khi không tránh khỏi sự sai sót. Xét về khía cạnh quản lý đối với các khoản phải thu, phải trả kế toán viên luôn phải tự mình đối chiếu, theo dõi từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả về thời gian cũng như số tiền thanh toán sau đó mới tính toán lại thời gian sao cho các khoản nợ phải trả được thanh toán đúng thời hạn, đồng thời kiểm tra xem trong ngày có khoản nợ phải thu nào tới hạn hay đã hết hạn không để có biện pháp giải quyết kịp thời. Đối với những khách hàng thanh toán trước thời hạn theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng, kế toán phải tự tính toán số tiền chiết khấu cho khách hàng. Với khối lượng công việc tương đối nhiều như vậy nhưng luôn kế toán luôn phải thực hiện thủ công nhằm lẫn là điều khó tránh khỏi.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, đối với mỗi một doanh nghiệp đây không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức. Thách thức đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại.

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không còn phù hợp. Để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi nhà quản lý phải sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì thế công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC mặc dù kế toán viên luôn cố gắng hoàn thành công việc của mình nhưng do việc tập hợp thông tin của kế toán vẫn mang tính thủ công khiến cho khối lượng công việc tăng lên và khó kiểm tra được tính chính xác, công việc theo dõi khó khăn và đôi khi bị gián đoạn vì vậy hoàn thiện công tác kế toán thanh toán là hoàn toàn cần thiết.

Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán tài chính, lấy các nghị định thông tư hướng dẫn thi hành làm trọng tâm từ đó xây dựng hệ thống kế toán cho công ty tránh các trường hợp trái pháp luật.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng của kế toán và yêu cầu của ban quản lý.

Việc hoàn thiện công tác thanh toán phải hướng tới việc tối đa những tiện ích mà máy vi tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu cung cấp thêm thông tin kịp thời chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý, đồng thời dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc nhưng vẫn mang tính khoa học.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC.

3.4.1. Kiến nghị 1: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn:

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

- Hiện nay công ty đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công. Việc thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhằm khắc phục vấn đề trên.

Mục đích: Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi giúp cho công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, bảo đảm cho công ty phản ánh đúng giá trị của các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Giải pháp: Kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009/TT-BTC ban hành 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó kế toán cần căn cứ thêm vào thông tư TT89/2013/TT-BTC ban hành 26/07/2013 ban hành về việc sửa đổi bổ sung thông tư TT228/2009/TT-BTC.

Điều kiện lập dự phòng: Doanh nghiệp có thể lập dự phòng nợ phải thu khó đòi khi các khoản nợ thỏa mãn điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà doanh nghiệp có thể áp dụng:

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tài khoản sử dụng: TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

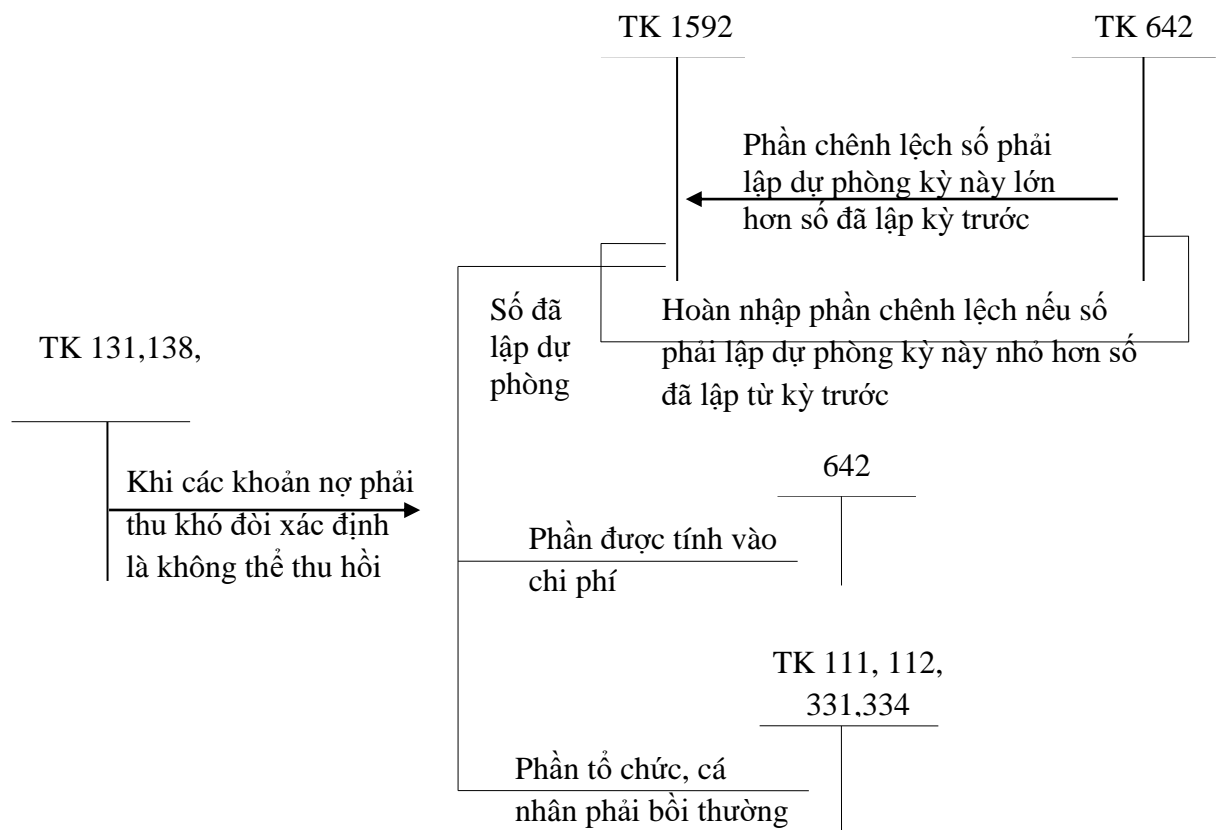
*Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 1592- Dự phòng phải thu khó đòi.

Tài khoản 1592” Dự phòng phải thu khó đòi”

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.



Sơ đồ 3.1.Sơ đồ hạch toán tổng hợp tài khoản 1592”Dự phòng phải thu khó đòi”.

3.4.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện chính sách về chiết khấu thanh toán

Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn: Việc thu hồi nợ với công ty là một khâu hết sức quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới sự tồn tại và phát triển của công ty. Nhưng hiện nay, tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC ban lãnh đạo đã đưa chính sách chiết khấu thanh toán vào áp dụng để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước thời hạn ghi trên hợp đồng, việc vận dụng chính sách này vẫn chưa được linh hoạt và phát huy hết tác dụng nguyên nhân là do công ty mới chỉ áp dụng cho khách hàng lớn và chỉ áp dụng duy nhất một mức chiết khấu tại thời điểm mà khách hàng thanh toán.

Mục tiêu: Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp như lập riêng một bộ phận chuyên biệt có nhiệm vụ thu hồi công nợ phải thu, bán nợ cho các công ty đòi nợ công ty nên áp dụng biện pháp chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng trong việc thanh toán nợ sớm hơn so với thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bán hàng là cần thiết.

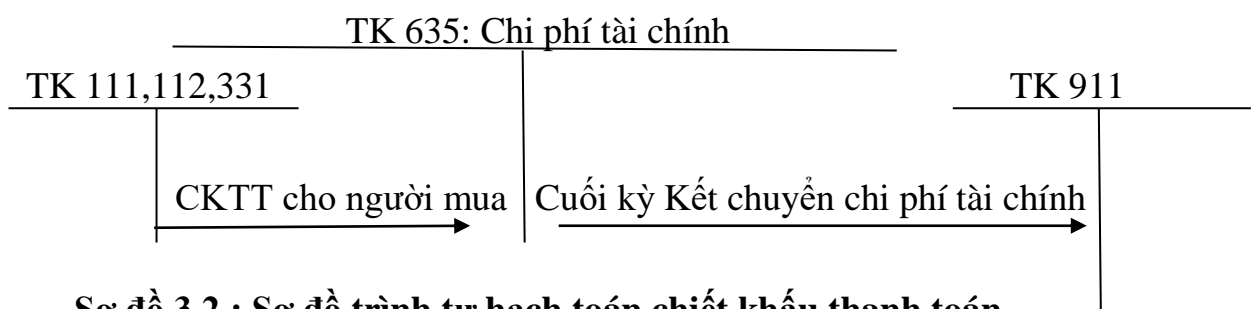
Giải pháp:

Tỷ lệ chiết khấu công ty sẽ lấy linh hoạt theo lãi suất tiền gửi ngân hàng mà công ty đang mở tài khoản, tỷ lệ chiết khấu nên chia thành nhiều mức căn cứ vào số ngày khách hàng thanh toán sớm:

Giả sử tại thời điểm tháng 11 năm 2014, lãi suất tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng Vietcombank là 4.3%/ tháng, thời hạn mà công ty cho khách hàng chậm thanh toán là 30 ngày. Tỷ lệ chiết khấu có thể được áp dụng như sau:

Số ngày thanh toán sớm	20 – 30 ngày	10 – 19 ngày	1 – 9 ngày
Tỷ lệ chiết khấu được hưởng	4.3%	3,8%	3%

Tài khoản sử dụng: TK 635: Chi phí tài chính



Sơ đồ 3.2 : Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán

Hiệu quả mang lại: Khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán. Tránh được việc khách hàng kéo dài, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và quản lý tài chính của công ty.

3.4.3. Kiến nghị 3: Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn: Do thị trường ngày càng phát triển làm cho quy mô của doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở lên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, kế toán nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Mục tiêu: Tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao TSCĐ hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn. Vì vậy công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Giải pháp: Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast Accounting <http://fast.com.vn/>

Hình 3.1. Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy FAST



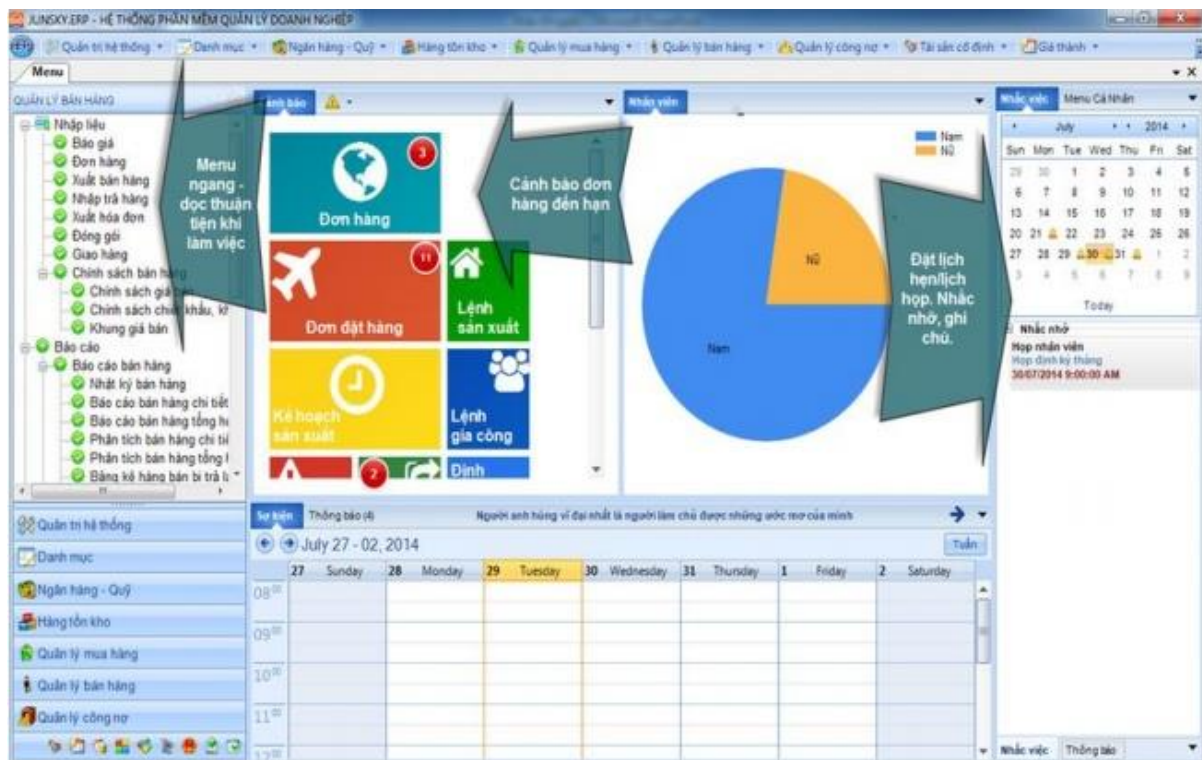
- Phần mềm kế toán Misa: <http://www.misa.com.vn/>

Hình 3.2. Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy MISA



- Phần mềm kế toán Junsky.ERP: <http://www.junsky.vn/>

Hình 3.3. Giao diện hoạt động phần mềm kế toán máy JUNSKY



Ba phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn. Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trang bị cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng và tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC

3.5.1. Về phía nhà nước:

Chính sách quản lý của nhà nước đối với mỗi doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thì nguồn thu vào ngân sách cũng sẽ dồi dào vì vậy cơ quan quản lý nhà nước nên tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp có thể tự chủ trong bộ máy quản lý của mình về mọi mặt như:

- Hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp trong việc thu hồi các khoản nợ khó đòi.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng một cách có hiệu quả.

- Cung cấp, hỗ trợ thông tin về các tổ chức doanh nghiệp trong nước và ngoài nước nhằm giúp cho doanh nghiệp có định hướng đúng đắn trong việc tìm đối tác kinh doanh.

- Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng tốt

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

Để có thể hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán một cách tối ưu nhất thì doanh nghiệp cần có những giải pháp phù hợp hỗ trợ cho những kiến nghị nêu trên.

Về cơ sở vật chất: Công ty nên đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác kế toán: Máy vi tính có cấu hình phù hợp kết nối mạng; mua phần mềm kế toán thích hợp.

Về chất lượng nhân sự: Tạo điều kiện cho nhân viên nâng cao năng lực làm việc thông qua việc tham gia các khóa học đào tạo về quản lý công nợ ngắn hạn, tiếp cận khoa học kỹ thuật và những chính sách mới của nhà nước.

Bộ máy quản lý cần phải linh động, luôn lắng rõ xu thế thị trường, tìm hiểu sơ bộ về công tác kế toán nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất cho công tác kế toán góp phần mang lại hiệu quả cao trong công tác kế toán nói riêng và mang lại lợi ích cho doanh nghiệp nói chung.

KẾT LUẬN

Như chúng ta đã biết, hiện nay quản lý và thu hồi công nợ luôn là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời, mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên ...do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp. Mà để có thể quản lý tốt công nợ thì kế toán thanh toán cần cung cấp được thông tin chính xác và kịp thời vì vậy đề tài hoàn thiện tốt công tác kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ là một đề tài mang tính cấp thiết cho doanh nghiệp.

Đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC” đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC và đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, phân loại nợ, quản lý đối tượng công nợ trên sổ kế toán riêng biệt.

Sau quá trình học tập, nghiên cứu tại trường và một thời gian thực tập tại công ty TNHH quản lý tàu biển TTC đã giúp em hiểu rõ hơn về những lý luận đã học đồng thời biết được việc ứng dụng lý luận đó vào thực tế như thế nào. Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những tồn tại thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy (cô) giáo và các anh chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn thầy giáo, Thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên cùng các anh chị làm việc tại Phòng kế toán công ty TNHH quản lý tàu biển TTC đã nhiệt tình giúp đỡ và hướng dẫn em trong việc hoàn thành khóa tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2016

Sinh viên thực hiện

Phạm Thị Ngân